

LỜI MỞ ĐẦU



✧ Lí do chọn đề tài:

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, hàng năm chiếm 30% vốn đầu tư của cả nước.

Sản phẩm của ngành xây dựng cơ bản là công trình có giá trị lớn, thời gian sử dụng dài nên có ý nghĩa quan trọng về kinh tế. Bên cạnh đó sản phẩm của ngành xây dựng cơ bản còn thể hiện ý thức thẩm mỹ, phong cách kiến trúc nên còn có ý nghĩa quan trọng về mặt văn hoá - xã hội.

Trong thời đại ngày nay, khi Việt Nam đã bắt đầu gia nhập tổ chức WTO, thì việc xác định tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm càng trở nên quan trọng, nó có thể là đòn bẩy đánh bật sự phát triển của một công ty song nó cũng có thể là một sức mạnh đè bẹp sự phát triển của chính công ty đó. Có thể nói rằng, một công ty hoạt động hiệu quả là một công ty biết kiểm soát được các khoản chi phí đồng thời biết sử dụng các khoản chi phí đó một cách hiệu quả nhất, vì đây chính là một khoản mục quan trọng trong bước xác định kết quả kinh doanh của một công ty. Vấn đề đặt ra là làm sao quản lý vốn một cách hiệu quả, khắc phục tình trạng lãng phí thất thoát vốn trong điều kiện sản xuất kinh doanh xây lắp phải có nhiều khâu (thiết kế, lập dự toán, thi công, nghiệm thu...) và thời gian lại kéo dài.

Chính vì thế, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp vốn đã là một phần hành căn bản của công tác hạch toán kế toán lại càng có ý nghĩa quan trọng đối với công ty xây lắp nói riêng và xã hội nói chung. Mà việc lên giá thành các sản phẩm của doanh nghiệp ở Việt Nam có sức cạnh tranh yếu và không thu được mức lợi nhuận như mong muốn. Được sự hướng dẫn, giúp đỡ nhiệt tình và những lời khuyên bổ ích của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Đào Thị Nguyệt Hằng cùng toàn thể anh, chị ở phòng Tài chính Kế toán, em đã chọn đề tài "***Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần Hà Trường Khánh***" để làm chuyên đề tốt nghiệp.

✘ Mục tiêu nghiên cứu:

Mục tiêu nghiên cứu của bài báo cáo này là phân tích quá trình tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty. Quan tâm đến các điểm mạnh, điểm hạn chế của công ty, nhằm đưa ra một số biện pháp kiến nghị và đề xuất để nâng cao hiệu quả trong việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp của Công ty trong thời gian tới

✘ Phạm vi đề tài

Trong báo cáo này em xin trình bày về những vấn đề liên quan đến Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần Hà Trường Khánh cho công trình thi công nhà kho vật tư, trang bị VK928 tại khu B xưởng OX1 và hầm bắn chính vũ khí bộ binh xưởng OX1 cục kỹ thuật/ Quân khu 7 tại xã Tân Hiệp và xã Tân Thới Nhì, Hóc Môn, TPHCM (Hợp đồng số 19). Từ tháng 2 năm 2011 đến tháng 2 năm 2012.

✘ Kết cấu nội dung nghiên cứu

Kết cấu bài tốt nghiệp, ngoài phần lời mở đầu bao gồm 3 phần

- **Phần thứ nhất:** Cơ sở lý luận kế toán chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm xây lắp
 - **Phần thứ hai:** Tình hình thực tiễn về kế toán chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần Hà Trường Khánh
 - **Phần thứ ba:** Nhận xét, kiến nghị và kết luận về kế toán chi phí xây lắp và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần Hà Trường Khánh
-

CHƯƠNG I:

CƠ SỞ LÝ LUẬN KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY LẮP VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP.

I/ Đặc điểm hoạt động và nhiệm vụ của kế toán tại doanh nghiệp xây lắp

1. Đặc điểm hoạt động xây lắp.

- Doanh nghiệp xây lắp là những đơn vị kinh tế có tư cách pháp nhân và được cấp giấy phép hành nghề xây dựng. Hoạt động của các doanh nghiệp này là nhận thầu thi công, xây lắp các công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kỹ thuật sản xuất phức tạp.

- Sản xuất xây lắp một loại sản xuất công nghiệp đặc biệt theo đơn đặt hàng. Sản phẩm xây lắp mang tính chất đơn chiếc, riêng lẻ. Từ đặc điểm này, kế toán phải hạch toán chi phí, tính giá thành và kết quả thi công cho từng sản phẩm xây lắp riêng biệt có thể là từng công trình từng hạng mục công trình, hoặc từng nhóm sản phẩm xây lắp.

- Đối tượng sản xuất xây dựng cơ bản thường có khối lượng lớn, giá trị lớn thời gian thi công tương đối dài. Do đó kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp không diễn ra vào cuối tháng mà được xác định tùy thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của từng loại công trình, điều này được thể hiện qua phương thức lập dự toán và phương thức thanh toán giữa bên thầu và nhận thầu.

- Thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp tương đối lớn nên mọi sai lầm trong quá trình thi công khó sửa chữa mà phải phá đi làm lại.

- Sản phẩm xây lắp được tiêu thụ theo trị giá dự toán (giá thầu theo hình thức đấu thầu với các công trình lớn hoặc giá dự toán đã được thỏa thuận giữa các bên chủ đầu tư và đơn vị xây lắp).

- Sản phẩm xây lắp được cố định tại nơi thi công, còn phương tiện sản xuất như máy móc thi công, công nhân phải di chuyển theo địa điểm sản xuất.

- Sản phẩm xây lắp sau khi hoàn thành nghiệm thu sẽ bàn giao ngay cho đơn vị chủ đầu tư. Nghiệp vụ này chính là quá trình tiêu thụ sản phẩm.

2. Nhiệm vụ của kế toán.

- Xác định được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành, vận dụng các phương pháp tập hợp và phân bổ chi phí, phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm hoạt động xây lắp.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp chi phí theo từng công trình, hạng mục công trình, theo từng giai đoạn sản xuất, các khoản mục giá thành sản phẩm.

- Tham gia vào việc xây dựng các chỉ tiêu hạch toán nội bộ và việc giao chỉ tiêu đó cho các đội xây dựng và các bộ phận liên quan.

- Xác định giá trị sản phẩm dở dang, tính giá thành sản phẩm thực tế của các công trình, tổng hợp kết quả hạch toán kinh tế của các công trình, hạng mục công trình, kiểm tra việc thực hiện dự toán chi phí xây lắp và kế hoạch giá thành xây lắp.

- Lập báo cáo về chi phí xây lắp và giá thành công trình xây lắp.

II/ Khái niệm và phân loại chi phí xây lắp

1. Khái niệm.

- Chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm trong 1 thời kỳ nhất định.

2. Phân loại chi phí xây lắp.

- Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế của chi phí: Theo quy định hiện nay thì chi phí được phân thành 5 yếu tố:

- (1) Chi phí nguyên vật liệu
- (2) Chi phí nhân công
- (3) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (4) Chi phí dịch vụ mua ngoài
- (5) Chi phí bằng tiền khác

- Phân loại chi phí sản xuất theo khoản mục giá thành: theo quy định hiện nay thì chi phí sản xuất sản phẩm gồm 3 khoản mục:

- (1) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- (2) Chi phí nhân công trực tiếp
- (3) Chi phí sản xuất chung

Trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp công trình thì có thêm khoản mục “chi phí sử dụng máy thi công”.

Chi phí sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp gồm 4 khoản mục:

✦ **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** là trị giá thực tế của các loại nguyên, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp.

✦ **Chi phí nhân công trực tiếp:** bao gồm

+ Tiền lương của công nhân trực tiếp tham gia xây dựng công trình trên công trường và lắp đặt thiết bị.

+ Tiền công nhúng gạch vào nước, tưới nước cho tường, công đóng đặt tháo dỡ, lắp ghép ván khuôn dàn giáo, công vận chuyển...

+ Phụ cấp làm thêm giờ, các khoản phụ cấp có tính chất lương như phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp môi trường làm việc...

+ Lương phụ.

✦ **Chi phí sử dụng máy thi công:** bao gồm:

+ Chi phí nhân công: lương chính, lương phụ phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển, phục vụ máy thi công.

+ Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ máy thi công.

+ Chi phí khấu hao máy thi công.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: thuê ngoài sửa chữa xe, máy thi công; bảo hiểm máy thi công, chi phí điện nước, thuê máy thi công, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ Chi phí bằng tiền khác.

✦ **Chi phí sản xuất chung:** bao gồm chi phí ở đội, bộ phận sản xuất ngoài các chi phí sản xuất trực tiếp như:

+ Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội.

+ Chi phí vật liệu gồm các giá trị nguyên vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, các chi phí công cụ dụng cụ... ở đội xây lắp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng tại đội xây lắp, bộ phận sản xuất.

+ Chi phí mua dịch vụ ngoài

+ Chi phí bằng tiền khác.

III/ Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm xây lắp

1. Khái niệm.

- Giá thành sản phẩm là toàn bộ chi phí để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Giá thành trong sản phẩm xây lắp bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung.

☞ **Ý nghĩa:** Giá thành là một chỉ tiêu tổng hợp phản ánh chất lượng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế tại doanh nghiệp.

2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.

✦ **Giá thành dự toán:** là chỉ tiêu giá thành được xây dựng trên cơ sở thiết kế kỹ thuật đã được duyệt, các định mức kỹ thuật do Nhà nước quy định, tính theo đơn giá tổng hợp cho từng khu vực thi công và phân tích định mức.

- Căn cứ vào giá trị dự toán, ta có thể xác định được giá thành sản phẩm xây lắp theo công thức:

$$\text{Giá trị dự toán sản phẩm xây lắp} = \text{Giá thành dự toán} + \text{Lãi dự toán} + \text{Thuế GTGT}$$

Trong đó:

- Lãi định mức trong XDCCB được Nhà nước quy định trong từng thời kỳ
- Giá trị dự toán là giá thanh toán cho khối lượng công tác xây lắp hoàn thành theo dự toán. Giá trị dự toán là cơ sở kế hoạch hóa việc cấp phát đầu tư xây dựng cơ bản, là căn cứ xác định hiệu quả công tác thiết kế cũng như căn cứ để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thi công và xác định hiệu quả hoạt động kinh tế của doanh nghiệp xây lắp.

✳ **Giá thành kế hoạch:** giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch. Chỉ tiêu này được xác lập trên cơ sở giá thành dự toán gắn liền với điều kiện cụ thể, năng lực thực tế của từng doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Giá thành Kế hoạch	=	Giá thành dự toán	-	Mức hạ giá thành dự toán	(+	Khoản bù chênh lệch vượt dự toán)
---------------------------	---	--------------------------	---	---------------------------------	----	---

✳ **Giá thành định mức:** là tổng chi phí để hoàn thành một khối lượng xây lắp cụ thể được tính toán trên cơ sở đặc điểm kết cấu của công trình, về phương pháp tổ chức thi công và quản lý thi công theo các định mức chi phí đã đạt được ở doanh nghiệp, công trường tại thời điểm thi công. Giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch giá thành.

✳ **Giá thành thực tế:** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh đã bỏ ra để hoàn thành công trình xây lắp, là kết quả tính giá thành của kế toán. Giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm.

IV/ Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí xây lắp

1. Đối tượng hạch toán chi phí xây lắp

✳ Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định giới hạn về mặt phạm vi mà chi phí cần phải được tập hợp để phục vụ cho việc kiểm toán chi phí và tính giá thành.

★ Trong sản xuất xây lắp, do đặc điểm sản phẩm có tính đơn chiếc, riêng lẻ nên đối tượng hạch toán chi phí sản xuất thường là theo đơn đặt hàng, hoặc có thể là một hạng mục công trình, một bộ phận hạn mục công trình, nhóm hạng mục công trình...

2. Phương pháp hạch toán chi phí xây lắp

★ Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phương pháp sử dụng để tập hợp và phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giới hạn của mỗi đối tượng kế toán chi phí.

★ Trong các doanh nghiệp xây lắp chủ yếu dùng các phương pháp tập hợp chi phí:

- + Hạch toán chi phí sản xuất theo công trình, hạng mục công trình.
- + Hạch toán chi phí theo đơn đặt hàng.
- + Hạch toán chi phí theo đơn vị hoặc khu vực thi công.

V/ Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

1. Đối tượng tính giá thành.

★ Xác định đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh.

★ Trong sản xuất xây dựng cơ bản, sản phẩm có tính chất riêng lẻ, đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình đã xây dựng hoàn thành. Ngoài ra đối tượng tính giá thành có thể là có thể là từng giai đoạn công trình hoặc từng giai đoạn hoàn thành theo quy ước tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

1. Kỳ tính giá thành.

★ Kỳ tính giá thành là khoản thời gian cần thiết phải tiến hành tổng hợp chi phí để tính tổng giá thành sản phẩm và giá thành đơn vị.

★ Do đặc điểm của sản phẩm xây lắp thường được sản xuất theo đơn đặt hàng, có chu kỳ dài, công trình thường hoàn thành khi đã kết thúc một chu kỳ sản xuất, nên kỳ tính giá thành được chọn thường là thời điểm mà công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Kỳ tính giá thành có thể không phù hợp với kỳ báo cáo kế toán.

VI/ Kế toán chi phí sản phẩm xây lắp

1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán.

★ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm tất cả các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên liệu, vật liệu phải tính theo giá thực tế khi xuất kho.

★ Khi hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cần tôn trọng các nguyên tắc:

- Nguyên vật liệu sử dụng trong hạng mục công trình nào thì phải tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó.

- Phải tiến hành kiểm kê số liệu cuối kì.

- Áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp nêu kế toán không tính được chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

★ **Chứng từ sử dụng:**

+ Phiếu xuất kho.

+ Phiếu nhập kho.

+ Hóa đơn mua nguyên vật liệu.

+ Biên bản kiểm kê vật tư.

b. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”

★ Kết cấu:

✧ **Bên Nợ:** Trị giá nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp trong kỳ.

✧ **Bên Có:** Cuối kì kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sang TK có liên quan

✓ **Tài khoản 621 không có số dư cuối kì.**

✓ Tài khoản 621 phải được mở chi tiết để theo dõi từng loại hoạt động trong doanh nghiệp xây lắp.

c. Phương pháp hạch toán.

★ Khi xuất kho nguyên vật liệu để trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp trong kỳ ghi:

Nợ TK 621

Có TK 152

★ Khi vật liệu mua về được đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động xây lắp mà không qua kho và doanh nghiệp xây lắp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 621

Nợ TK 133

Có TK 331, 111, 112, 141...

★ Khi tạm ứng chi phí để thực hiện giá trị khoán xây lắp nội bộ (Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức hạch toán kế toán riêng). Khi bản quyết toán tạm ứng được duyệt kế toán ghi:

Nợ TK 621

Có 141(3)

★ Vật liệu sử dụng cho hoạt động xây lắp còn thừa cuối kỳ, trả lại kho ghi:

Nợ TK 152

Có TK 621

★ Cuối kỳ, tổng hợp chi phí NVL trực tiếp thực tế sử dụng trong kỳ để kết chuyển vào tài khoản tính giá thành.

Nợ TK 154

Có TK 621

2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

a. Nội dung và phương pháp hạch toán.

★ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm tất cả các khoản chi phí liên quan bộ phận lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm như: tiền lương, tiền công, phụ cấp...

★ Các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương về BHXH, BHYT và KPCĐ tính vào chi phí theo quy định được tính vào chi phí sản xuất chung

★ Khi hạch toán chi phí nhân công trực tiếp cần tôn trọng những nguyên tắc:

- Hạch toán trực tiếp theo công trình, hạng mục công trình trên cơ sở các công trình gốc về lao động và tiền lương.

- Phân loại tiền lương theo thành phần quỹ lương.

- Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng có lương theo tiền lương định mức hay giờ công định mức khi không thể tính chi phí nhân công trực tiếp cho từng công trình hạng mục.

★ **Chứng từ sử dụng:**

- + Bảng chấm công.
- + Bảng thanh toán tiền lương.
- + Bảng tính lương.

b. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 622 “Chi phí nguyên nhân công trực tiếp”

★ Kết cấu:

- ✧ **Bên Nợ:** Chi phí nhân công trực tiếp cho hoạt động xây lắp trong kỳ.
- ✧ **Bên Có:** Cuối kì kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công sang TK có liên quan.

✓ **Tài khoản 622 không có số dư cuối kì.**

✓ Tài khoản 622 phải được mở chi tiết để theo dõi từng loại hoạt động trong doanh nghiệp xây lắp.

c. Phương pháp hạch toán.

★ Tiền lương phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất cho hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp gồm: lương chính, lương phụ, phụ cấp lương và các khoản phải trả về tiền công cho công nhân thuê ngoài, ghi:

Nợ TK 622

Có TK 334

★ Khi tạm ứng chi phí để thực hiện giá trị khoán xây lắp nội bộ (Trường hợp đơn vị nhận khoán không tổ chức hạch toán kế toán riêng). Khi bản quyết toán tạm ứng được duyệt kế toán ghi:

Nợ TK 622

Có TK 141

★ Trích trước lương nghỉ phép cho công nhân trực tiếp xây lắp, sản xuất công nghiệp ghi:

Nợ TK 622

Có TK 335

★ Các khoản chi phí nhân công trực tiếp được thanh toán trực tiếp bằng tiền (thanh toán cho lao động sử dụng tạm thời):

Nợ TK 622

Có TK 111, 141

★ Cuối kì, kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ để kết chuyển về TK giá thành:

Nợ TK 154

Có TK 622

3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán.

★ Hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công.

★ Tài khoản này không phản ánh khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo quy định hiện hành được tính trên lương công nhân sử dụng xe, máy thi công. Các khoản trích này được phản ánh vào tài khoản 627

★ Chứng từ sử dụng:

+ Bảng đề nghị thanh toán tiền thuê thiết bị thi công.

+ Hóa đơn GTGT

b. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”

★ Tài khoản 623 có 6 tài khoản cấp 2

+ TK 6231 – Chi phí nhân công

+ TK 6232 – Chi phí vật liệu

+ TK 6233 – Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6234 – Chi phí khấu hao máy thi công

+ TK 6235 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6236 – Chi phí bằng tiền khác

*** Kết cấu:**

✧ **Bên Nợ:** Tập hợp tất cả các chi phí có liên quan đến máy thi công

✧ **Bên Có:** Cuối kì kết chuyển chi phí nguyên nhân công trực tiếp sang tài khoản có liên quan.

✓ **Tài khoản 623 không có số dư cuối kì.**

c. Phương pháp hạch toán

*** Đối với chi phí thường xuyên**

- Tiền lương, tiền công và các khoản khác phải trả cho công nhân điều khiển xe, máy, phục vụ xe, máy, ghi:

Nợ TK 623 (6231)

Có TK 334

- Khi xuất kho vật liệu, công cụ, dụng cụ sử dụng cho hoạt động của xe, máy thi công trong kỳ, ghi:

Nợ TK 623 (6232)

Có TK 152, 153.

- Trường hợp mua vật liệu, công cụ sử dụng ngay (Không qua nhập kho) cho hoạt động của xe, máy thi công trong kỳ, ghi:

Nợ 623 (6233)

Nợ TK 133

Có các TK 331, 111, 112...

- Trích khấu hao xe, máy thi công sử dụng ở Đội xe, máy thi công, ghi:

Nợ TK 623 (6234)

Có TK 214

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh (Sửa chữa xe, máy thi công, điện, nước, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ...)

Nợ TK 623 (6237)

Nợ TK 133

Có các TK 111, 112, 331

- Chi phí bằng tiền khác phát sinh, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 623 (6238)

Nợ TK 133

Có các TK 111,112...

- Căn cứ vào Bảng phân bổ chi phí sử dụng xe, máy (Chi phí thực tế ca xe, máy) tính cho từng công trình, hạng mục công trình, ghi:

Nợ TK 154

Có TK 623

★ Đối với chi phí tam thời:

+ Trường hợp không trích trước

Khi phát sinh chi phí:

Nợ TK 142

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331,...

Khi phân bổ chi phí trong kỳ:

Nợ TK 623

Có TK 142

+ Trường hợp có trích trước

Khi trích trước chi phí:

Nợ TK 623

Có TK 335

Chi phí thực tế phát sinh:

Nợ TK 335

Có TK 111,112,331,...

4. Kế toán chi phí sản xuất chung

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán.

★ Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ và quản lý ở phân xưởng, công trình: tiền lương của bộ phận quản lý đội thi công và các khoản trích theo lương bộ phận quản lý đội thi công, công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân điều khiển máy thi công.

★ Chi phí sản xuất chung được hạch toán theo 2 loại: chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi.

★ Khi hạch toán cần tôn trọng các nguyên tắc:

+ Hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình.

+ Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các định mức về chi phí sản xuất chung và điều kiện có thể ghi giảm chi phí sản xuất chung.

+ Tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng liên quan theo tỷ lệ công nhân trực tiếp.

*** Chứng từ sử dụng:**

+ Bảng chấm công

+ Bảng tính khấu hao TSCĐ

+ Phiếu xuất kho công cụ dụng cụ

b. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”

*** Tài khoản 623 có 6 tài khoản cấp 2**

+ TK 6271 – Chi phí nhân viên phân xưởng

+ TK 6272 – Chi phí vật liệu

+ TK 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

+ TK 6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ

+ TK 6275 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6276 – Chi phí bằng tiền khác

*** Kết cấu:**

◇ **Bên Nợ:** Tập hợp tất cả các chi phí sản xuất chung trong kì

◇ **Bên Có:** Cuối kì kết chuyển chi phí sản xuất chung sang tài khoản có liên quan.

✓ **Tài khoản 627 không có số dư cuối kì.**

c. Phương pháp hạch toán.

* Chi phí về tiền lương nhân viên quản lý đội thi công

Nợ TK 627 (6271)

Có TK 334

* Khoản trích theo lương tính vào chi phí theo quy định

Nợ TK 627 (6272)

Có TK 338

★ Chi phí nguyên vật liệu dùng cho phân xưởng, như sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định dùng để quản lý điều hành phân xưởng, đội thi công.

Nợ TK 627 (6273)

Có TK 152

★ Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho phân xưởng, như sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định dùng để quản lý điều hành phân xưởng, đội thi công.

Nợ TK 627 (6274)

Có TK 153 (nếu phân bổ 1 lần)

Có TK142 (nếu phân bổ nhiều lần)

★ Chi phí thanh toán bằng tiền:

Nợ TK 627 (6275)

Có TK 111

★ Cuối kì, kế toán phân bổ và kết chuyển chi phí sản xuất chung vào đối tượng tính giá thành:

Nợ TK 154

Có TK 627

- Riêng phần chi phí sản xuất chung cố định không được tính vào giá thành mà được ghi nhận vào giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 627 (CPSX chung cố định)

VIII/ Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

1. Tổng hợp chi phí xây lắp.

★ Cuối kì trên cơ sở các khoản chi phí NVL trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung đã được kết chuyển kế toán tổng hợp chi phí phát sinh trong tháng, đồng thời đánh giá sản phẩm dở dang của tháng để làm căn cứ tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

★ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

*** Tài khoản 154 có 4 tài khoản cấp 2:**

- + TK 1541: Xây lắp
- + TK 1542: Sản phẩm khác
- + TK 1543: Dịch vụ
- + TK 1544: Chi phí bảo hành xây lắp

*** Kết cấu:**

◇ **Bên Nợ:** Các chi phí NVL trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ hoặc giá thành xây lắp theo giá khoán nội bộ.

◇ **Bên Có:** Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao từng phần, hoặc bàn giao toàn bộ trong kỳ, hoặc giá thành sản phẩm xây lắp chờ tiêu thụ.

★ Cuối tháng kết chuyển chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung để tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh:

Nợ TK 154

Có TK 621 – Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp

Có TK 622 – Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 623 – Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 627 – Kết chuyển chi phí sản xuất chung

★ Sau đó khi xác định được Zsp lao vụ hoàn thành kế toán ghi:

Nợ TK 155 _ sản phẩm xây lắp chờ sử dụng

Nợ TK 632 _ đưa vào sử dụng ngay

...

Có TK 154 _ Tổng Zsp hoàn thành

2. Đánh giá giá trị xây lắp dở dang cuối kỳ.

- Để xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ phải tiến hành kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang, xác định mức độ hoàn thành và dùng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang phù hợp.

a. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí thực tế phát sinh

Trong trường hợp bàn giao thanh toán khi công trình hoàn thành toàn bộ, tổng cộng chi phí sản xuất từ khi khởi công đến thời điểm xác định chính là chi phí sản xuất dở dang thực tế.

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	=	Tổng chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh
---	---	---

b. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng hoàn thành tương đương

Trường hợp bàn giao thanh toán theo định kỳ khối lượng hoàn thành của từng loại công việc hoặc bộ phận kết cấu.

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	=	$\frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá thành dự toán của khối lượng công việc hoàn thành} + \text{Giá thành dự toán của khối lượng công việc dở dang cuối kỳ}}$	x	Giá thành dự toán của khối lượng công việc dở dang cuối kỳ
---	---	--	---	---

VIII/ Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp

Sản phẩm xây lắp là một sản phẩm đặc biệt, sản phẩm xây lắp hoàn thành không qua kho mà chỉ thông qua biên bản bàn giao nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Do đó kế toán không sử dụng tài khoản 155 “Thành phẩm” để xác định giá thành công trình mà sử dụng tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” để xác định giá thành thực tế cho công trình hoàn thành.

Do đặc điểm của ngành xây lắp có tính đơn chiếc, quy trình công nghệ sản xuất khá phức tạp, thời gian thi công dài nên việc bàn giao thanh toán cũng đa dạng. Do đó, tùy theo từng trường hợp kế toán phải có phương pháp tính giá thành phù hợp.

1. Theo phương pháp giản đơn (trực tiếp)

★ Áp dụng trong trường hợp đối tượng tập hợp chi phí là đối tượng tính giá thành sản phẩm. Tổng chi phí theo từng đối tượng sẽ là tổng giá thành sản phẩm.

★ Công thức tính Z giản đơn:

Tổng giá thành	=	Giá trị SPDD	+	Chi phí SX	_	Giá trị SPDD	_	Khoản giảm
sản phẩm (Z)		đầu kỳ		trong kỳ		cuối kỳ		giá thành

2. Theo phương pháp đơn đặt hàng.

★ Áp dụng trong điều kiện doanh nghiệp xây lắp theo đơn đặt hàng của người chủ đầu tư. Việc tổ chức kế toán chi phí hóa từng đơn đặt hàng.

★ Theo phương pháp này thì đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng cũng là đối tượng tính giá thành.

★ Những đơn đặt hàng chưa hoàn thành vào thời điểm cuối kỳ thì toàn bộ các chi phí sản xuất đã tập hợp theo đơn đặt hàng đó được coi là giá trị của SPDD cuối kỳ chuyển sang kỳ sau.

3. Theo phương pháp định mức.

★ Được áp dụng trong trường hợp tập hợp chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm, nhóm các hạng mục công trình nhưng đối tượng tính giá thành là từng công trình hay hạng mục công trình hoàn thành tuy nhiên chưa xác định được hệ số kinh tế kỹ thuật cho từng nhóm sản phẩm.

CHƯƠNG II:

TÌNH HÌNH THỰC TIỄN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY LẬP VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẬP TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ TRƯỜNG KHÁNH.

A/ Giới thiệu khái quát về công ty cổ phần Hà Trường Khánh

I/ Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

1. Quy mô đầu tư.

Công ty cổ phần Hà Trường Khánh được thành lập ngày 12 tháng 1 năm 2000

- ✦ Tên giao dịch: Công ty cổ phần Hà Trường Khánh.
- ✦ Địa chỉ: 11 Quách Văn Tuấn, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- ✦ Mã số thuế: 0309589197
- ✦ Điện thoại: 08. 6293 8048
- ✦ Số fax: 08. 6293 8048
- ✦ Email: hatruongkhanh@yahoo.com

Với phương châm luôn tìm tòi và sáng tạo, đặt yếu tố chất lượng lên hàng đầu trong những năm qua công ty đã vững vàng vượt qua những khó khăn thử thách và dần khẳng định thương hiệu của mình.

2. Nguồn nhân lực của công ty

a. Quy mô đầu tư

Tổng số vốn kinh doanh: 7.900.000.000

- ▲ Vốn cố định: 3.900.000.000
- ▲ Vốn lưu động: 1.821.716.695
- ▲ Vốn khác: 2.178.283.305

b. Nguồn nhân lực của công ty

Công ty có đội ngũ nhân viên 59 người

- ▲ Kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư: 30 người.
-

- ▲ Giao thông: 8 người
- ▲ Thủy lợi: 3 người
- ▲ Cơ khí: 6 người
- ▲ Kinh tế tài chính: 7 người
- ▲ Hoạ viên(trung cấp): 5 người

III/ Chức năng và nhiệm vụ của công ty:

1. Chức năng của công ty

Công ty cổ phần Hà Trường Khánh ra đời với chức năng chính là thiết kế xây dựng và giám sát thi công các công trình, hạng mục công trình, tư vấn xây dựng. Cụ thể là:

- ▲ Lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế quy hoạch, thiết kế kỹ thuật công trình dân dụng và công nghiệp.
- ▲ Quản lý dự án, tư vấn đấu thầu, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng.
- ▲ Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, công trình cấp thoát nước.
- ▲ Sản xuất, lắp đặt thiết bị cơ khí, thi công lưới điện dưới 22KV.
- ▲ Mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh nhà, dịch vụ vận tải.
- ▲ Cho thuê thiết bị thi công. Tư vấn lắp đặt thiết bị cơ khí.
- ▲ Thi công hệ thống chống sét, cảnh báo, báo cháy, hệ thống thông gió, điều hoà không khí, xử lý môi trường, xử lý chất rắn, khí, lỏng.

2. Nhiệm vụ của công ty

Là một công ty cổ phần, vì thế công ty cổ phần Hà Trường Khánh có nhiệm vụ sau:

- ▲ Bảo toàn và phát triển nguồn vốn kinh doanh, cố gắng mang được mức cổ tức cao nhất cho các cổ đông.
- ▲ Thực hiện đúng pháp lệnh kế toán, thống kê của nhà nước quy định.
- ▲ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế đối với nhà nước.
- ▲ Phân phối lao động hợp lý, đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng thời gian làm việc, nghỉ ngơi, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, an toàn lao động theo đúng quy định của nhà nước.
- ▲ Bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh chính trị, an toàn xã hội.

IV/ Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

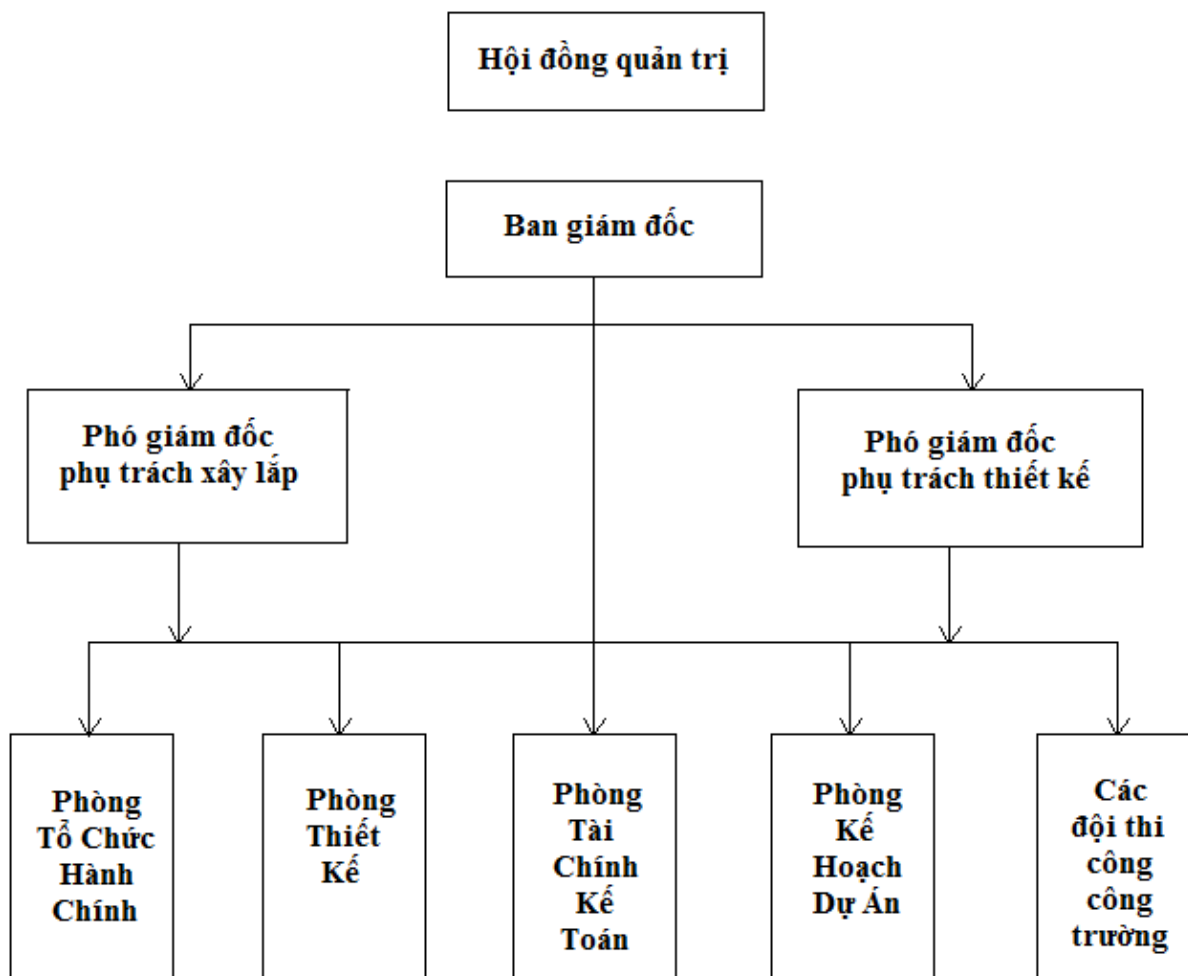
1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Cơ cấu tổ chức công ty

- Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
-

- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; Đối với công ty cổ phần có trên mười một cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty phải có Ban kiểm soát.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



2. Chức năng và nhiệm vụ của Ban Giám Đốc và các phòng ban

▲ **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh của công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc đại hội đồng cổ đông.

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định.
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ tại công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quyết định.
- Giám sát và chỉ đạo giám đốc và người quản lý quan trọng khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quản lý kinh doanh.

▲ **Giám đốc:**

Là người đại diện tư cách pháp nhân của công ty.

- Quản lý điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh chung của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các phòng ban trong công ty.
- Trực tiếp nhận vốn, tổ chức quản lý vốn, tài sản được giao.

▲ **Phó giám đốc:**

- Được giám đốc uỷ quyền thay mặt khi đi vắng.
- Trực tiếp chỉ đạo phụ trách các công tác hành chính quản lý bảo vệ pháp chế, chỉ đạo điều hành sắp xếp lao động và theo dõi đơn đốc công tác xây dựng cơ bản.

▲ **Phòng Tổng hợp:**

- Phòng Tổng hợp có chức năng quản lý, tuyển dụng nhân sự cho công ty, cùng với việc giải quyết chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành. Ngoài ra phòng Tổng hợp còn có các nhiệm vụ sau:
 - + Quản lý công văn, đội xe cho công ty.
 - + Sắp xếp lịch làm việc cho Giám đốc, Phó giám đốc.
 - + Quản lý công văn văn phòng.

▲ **Phòng thiết kế:**

- Phòng thiết kế bao gồm các kiến trúc sư của công ty. Phòng thiết kế có chức năng và nhiệm vụ là thiết kế ra những mẫu công trình. Có thể nói đây là khâu được công ty đầu
-

tư và chú trọng nhất, vì đây chính là mảng phát triển mạnh nhất và có nhiều tiềm năng nhất của công ty.

▲ **Phòng tài chính kế toán:**

- Đây là 1 bộ phận quan trọng của công ty, có chức năng chỉ đạo toàn bộ hệ thống kế toán, tài chính cho công ty. Cụ thể:

+ Tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, hệ thống thông tin kế toán và công tác tài chính của công ty.

+ Kiểm tra sổ sách, chứng từ, hạch toán kế toán của đơn vị theo đúng quy định của nhà nước.

+ Phân tích hoạt động kinh doanh, kiến nghị sử dụng các nguồn vốn của công ty.

+ Báo cáo kịp thời về cân đối nguồn vốn cho Giám đốc.

+ Có nhiệm vụ ghi chép chính xác, trung thực số liệu, phản ánh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền, tình hình sử dụng kinh phí và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Cung cấp số liệu, tài liệu nhanh chóng kịp thời cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định về chế độ chứng từ, sổ sách quyết toán.

▲ **Phòng Kế hoạch – Dự án:**

- Đưa ra kế hoạch quản lý dự án, kế hoạch quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vật tư thiết bị của công ty, định hướng chiến lược phát triển dài hạn của công ty về mọi mặt trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, hoạt động kinh doanh của công ty.

- Lập kế hoạch cho công ty về thi công công trình.

- Có nhiệm vụ phối hợp với các phòng ban từng bước xây dựng các kế hoạch dài hạn.

- Xây dựng phương án giá theo kế hoạch.

- Chuẩn bị cho giám đốc công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các bộ phận trực thuộc. Giúp Giám đốc kiểm tra tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề xuất các biện pháp giải quyết.

- Quan hệ tìm kiếm đối tác, thu thập thông tin chuẩn bị cho công tác đấu thầu, nhận thầu.

▲ **Các Ban Điều Hành Dự Án:**

- Có nhiệm vụ quản lý và điều hành các dự án đang thực hiện.

- Báo cáo tình hình dự án đang thực hiện.

♣ **Các Đội Thi Công:**

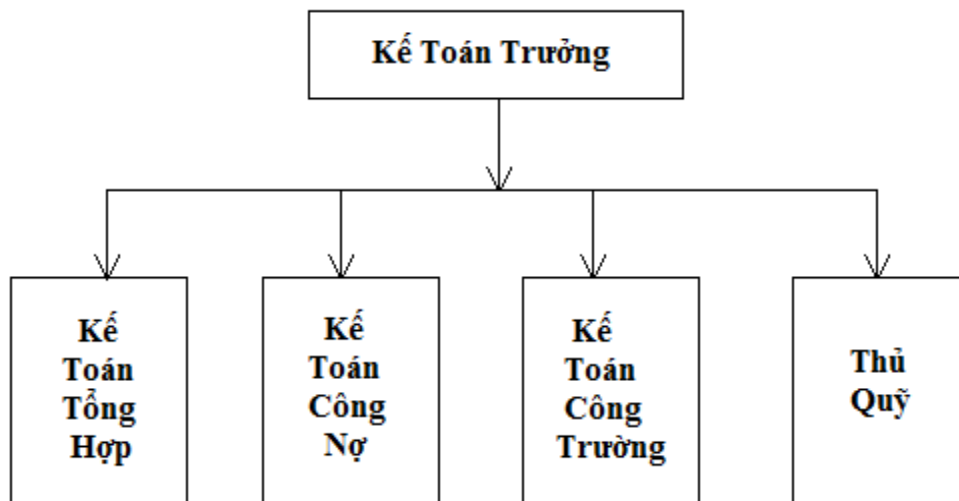
- Là những người trực tiếp quản lý và tham gia thi công công trình, hạng mục công trình. Mỗi đội thi công sẽ có 1 đội trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp về tài chính, kỹ thuật và vật chất trên cơ sở ban giám đốc bổ nhiệm. Đội trưởng sẽ là người chịu trách nhiệm cao nhất với các biên bản giao khoán – nhận thầu thi công. Thực hiện triệt để các quy định của công ty trong đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe công nhân và đảm bảo tốt chất lượng công trình.

V/ Tổ chức công tác kế toán tại công ty

1. Mô hình tổ chức kế toán tại công ty

Công ty hiện đang áp dụng mô hình kế toán tập trung.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.



3. Vai trò, chức năng từng phần hành kế toán:

a. Kế toán trưởng:

Là người tổ chức điều hành toàn bộ công tác kế toán tại công ty, tham mưu cho Giám Đốc về hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra đôn đốc điều hành kế toán trong nội bộ công ty.

- Kiểm tra phân tích hoạt động kinh tế, ký duyệt các chứng từ kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến công tác thanh toán, tín dụng, hợp đồng...

- Chịu sự kiểm tra trực tiếp của Giám Đốc, đồng thời chịu sự kiểm tra, chỉ đạo và kiểm tra về mặt nghiệp vụ của cơ quan tài chính.
- Nắm bắt chủ trương về chính sách mới về tài chính.
- Chỉ đạo lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê.
- Xác định kết quả tài chính và phân phối thu nhập.

b. Kế toán tổng hợp:

Kế toán tổng hợp (phó phòng TC-KT) có chức năng tổ chức ghi chép tổng hợp số liệu, xác định lãi lỗ, các khoản thanh toán với ngân sách nhà nước, với ngân hàng, khách hàng và nội bộ công ty. Định kỳ, kế toán tổng hợp có nhiệm vụ lập các bảng báo cáo cân đối của công ty, lập bảng lưu trữ số liệu, hồ sơ kế toán. Ngoài ra, kế toán tổng hợp còn tham gia công tác kiểm tra tài sản hiện có, tình hình tăng giảm và sự di chuyển tài sản cố định, tính toán và phân bổ khấu hao tài sản cố định định kỳ và phân bổ khấu hao vào đối tượng có liên quan

c. Kế toán công nợ:

- Tổng hợp tình hình tiêu thụ, tính doanh thu và thuế phải nộp trong kỳ.
- Theo dõi chặt chẽ các khoản nợ với khách hàng của công ty.

d. Kế toán công trường:

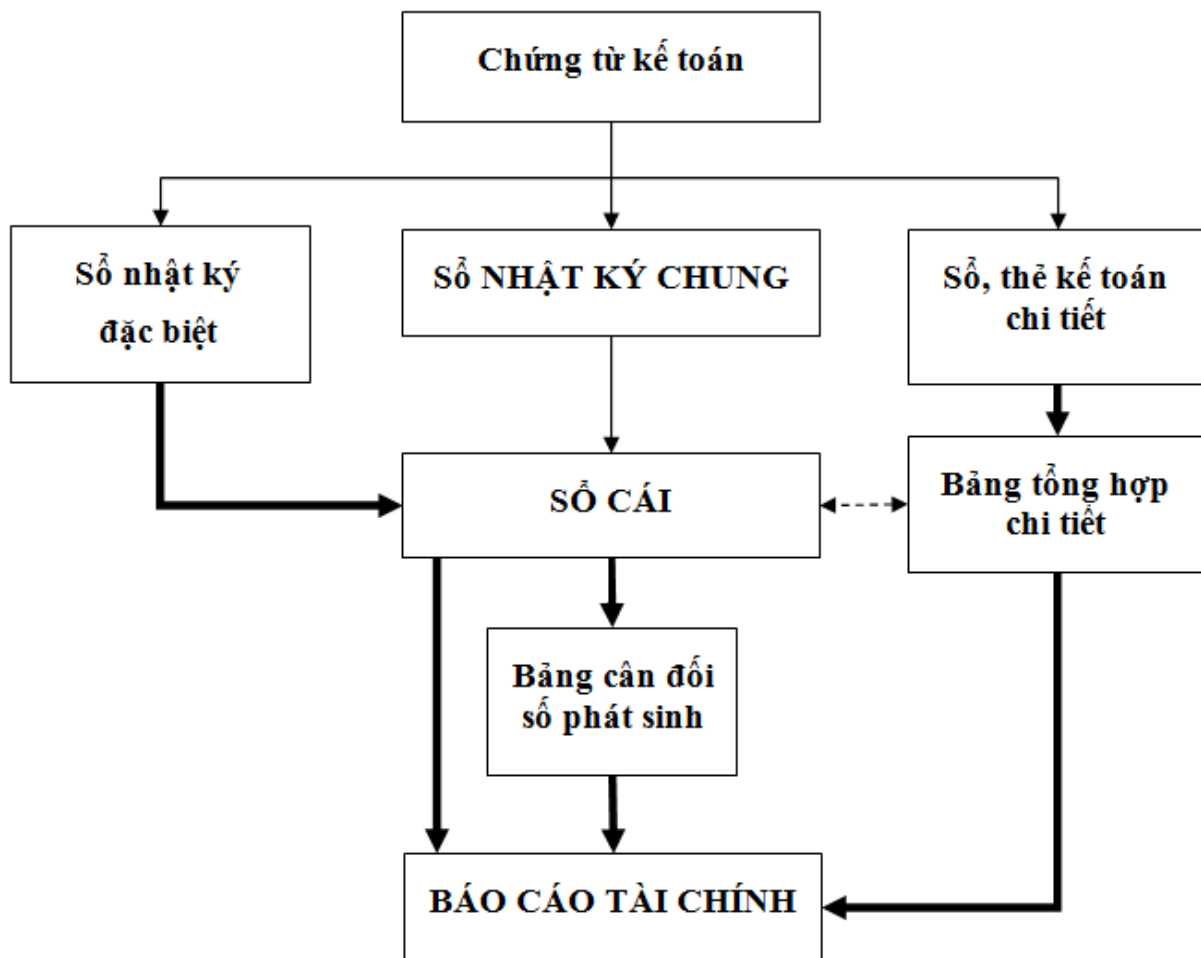
Kế toán công trường có chức năng theo dõi, quản lý nguyên vật liệu, các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh ở công trường, cuối tháng kế toán công trình có nhiệm vụ chuyển tất cả các chứng từ về phòng Kế toán để kế toán tại công ty tiến hành tập hợp chi phí và tính giá thành.

e. Thủ quỹ:

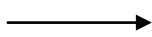
Chức năng của thủ quỹ tại công ty là theo dõi, quản lý các khoản tiền mặt, các khoản khách hàng tạm ứng trước, tạm ứng cho đội thi công. Thủ quỹ chịu trách nhiệm phát lương cho cán bộ công nhân viên khi có yêu cầu từ những người có chức năng. Ngoài ra, cuối ngày thủ quỹ phải đối chiếu số tiền với kế toán thanh toán tiền mặt nhằm điều chỉnh những sai sót trong quá trình thu chi và báo cáo lượng tiền tồn quỹ theo yêu cầu của kế toán trưởng và Giám Đốc

4. Hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty.

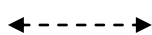
- Hệ thống sổ mà công ty đang áp dụng là hình thức Nhật ký chung và sổ sách biểu mẫu theo đúng hướng dẫn của Bộ tài chính ban hành.
 - Quy trình ghi chép của hình thức Nhật ký chung
-



*** Ghi chú:**



: Ghi hằng ngày



: Đối chiếu kiểm tra



: Ghi định kỳ

◆ Nội dung quá trình ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

5. Vị tính hoá công tác kế toán tại công ty:

Năm 2007, công ty đã đăng ký sử dụng phần mềm trong công tác kế toán. Hàng ngày kế toán dựa chứng từ gốc tiến hành nhập số liệu vào chứng từ ghi sổ, và sổ kế toán chi tiết. Đến cuối tháng sẽ tổng hợp lại số chi tiết, lên bảng tổng hợp đối chiếu với các tài khoản tương ứng. So sánh giữa bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái, kế toán tiến hành lên bảng cân đối số phát sinh, từ đó có căn cứ lập các báo cáo tài chính theo quy định.

B/ Nội dung thực tế của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cổ phần Hà Trường Khánh.

I/ Đặc điểm về quá trình tập hợp chi phí xây lắp tại công ty

1. Đặc điểm giao thầu và tổ chức thi công

Quá trình giao thầu bắt đầu khi công ty tham gia đấu thầu hoặc được khách hàng chỉ định. Nếu trúng được thầu, đại diện công ty là Giám đốc sẽ đứng ra ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng để thỏa thuận về: thời gian thi công, giá trị công trình, bảo hành...

Sau đó công ty trực tiếp thi công và giao chỉ huy trưởng công trình, là người trực tiếp đứng ra chịu mọi trách nhiệm về trình tự và tiến độ thi công công trình.

Vai trò của các công trường:

- Là đơn vị chịu trách nhiệm trước công ty về việc thực hiện thi công và hoàn thành công trình.

Người giám sát công trường phải chịu trách nhiệm về tiến độ thi công và chất lượng của công trình

2. Đặc điểm nhân vốn và cấp vốn:

Sau khi đội thi công công trình nhận thi công thì phụ trách đội thi công làm giấy tạm ứng tiền để các đội thi công mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, trả lương cho công nhân trong quá trình thi công. Giấy đề nghị xin tạm ứng sẽ chuyển thẳng cho Giám đốc để phê duyệt.

3. Đặc điểm thanh toán và quyết toán công trình:

Trường hợp hợp đồng thi công là hợp đồng thi công dân dụng thì giá trị quyết toán của công trình sẽ được thỏa thuận trên cơ sở sự đồng ý của hai bên giao và nhận thầu (bên A và bên B).

Còn nếu đây là công trình được cấp vốn bởi ngân sách nhà nước thì giá trị quyết toán công trình được duyệt không đơn thuần chỉ hai bên giao thầu và nhận thầu mà còn phải chờ sự chấp nhận của cục đầu tư vốn.

Do đặc điểm trong xây dựng là thời gian thi công dài, vốn đầu tư lớn nên công ty luôn thỏa thuận với bên chủ thầu là nghiệm thu công trình theo từng giai đoạn đối với công trình chứ không đợi khi hoàn thành công trình thì mới nghiệm thu và bàn giao luôn. Chính điều này sẽ đảm bảo công ty lấy thu bù chi tức là đảm bảo có đủ vốn để tiếp tục thi công công trình.

4. Đặc điểm luân chuyển chứng từ:

Tất cả các chứng từ của công trình đều được tập hợp về công ty vào cuối tháng.

Đến từng giai đoạn nghiệm thu công trình, lúc này chứng từ về tại công ty cũng đầy đủ theo từng giai đoạn công trình, kế toán tại công ty sẽ tiến hành tập hợp chi phí và tính giá thành nghiệm thu sản phẩm cho công trình.

5. Đặc điểm tiêu thụ sản phẩm:

Khi công trình hoàn thành toàn bộ theo thoả thuận thì bên thi công (bên B) sẽ tiến hành cùng với bên giao thầu (bên A) nghiệm thu và bàn giao công trình. Và khi quyết toán công trình thì đối với các doanh nghiệp xây lắp đây là thời điểm xác định giá vốn và ghi nhận doanh thu.

II/ Xác định đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí

1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:

Đặc điểm công ty là thường thi công các công trình có khối lượng thi công lớn, thời gian kéo dài, quy trình công nghệ phức tạp, loại hình sản xuất mang tính chất đơn chiếc, riêng lẻ nên đối tượng tập hợp chi phí thường theo từng công trình riêng biệt.

Ví dụ:

2. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp:

Thời gian từ khi thi công bắt đầu xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao là kỳ tính giá thành của công trình.

3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm công trình:

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp trực tiếp.

Đối với những công trình hoàn thành bàn giao khi công trình hoàn thành thì công thức tính giá thành:

Giá thành	=	Chi phí dở	+	Chi phí phát sinh
công trình		dang đầu kỳ		trong kỳ

(Chi phí dở dang cuối kỳ bằng 0)

Đối với những công trình hoàn thành theo từng giai đoạn quy ước, công trình tính giá thành:

Giá thành	=	Chi phí dở dang	+	Chi phí phát sinh	-	Chi phí dở dang
giai đoạn		đầu kỳ		trong kỳ		cuối kỳ

(Khi công trình hoàn thành thì chi phí dở dang cuối kỳ bằng 0)

III/ Kế toán tập hợp chi phí xây lắp

Trong giới hạn nghiên cứu của bài báo cáo này, em chỉ đi sâu tìm hiểu về “Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp” tại công ty cổ phần Hà Trường Khánh cho công trình thi công nhà kho vật tư, trang bị VK928 tại khu B xưởng OX1 và hầm bắn chỉnh vũ khí bộ binh xưởng OX1 cục kỹ thuật/ Quân khu 7 tại xã Tân Hiệp và xã Tân Thới Nhì, Hóc Môn, TPHCM (Hợp đồng số 19).

Công trình bắt đầu thi công vào tháng 2 năm 2011 và công trình đã nghiệm thu đợt 1 vào tháng 12 năm 2011 đến tháng 2 năm 2012 thì hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư. Thời gian thi công là 10 tháng.

- Cuối tháng, kế toán tại công ty tiến hành hạch toán các chi phí phát sinh liên quan đến công trình. Kế toán ghi lên sổ chi tiết và sổ cái tài khoản: “**Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giữa kỳ**” (số cái TK 154) được mở chi tiết cho từng công trình, sau đó tập hợp lại ghi vào sổ TK 621, 622, 627 (3 loại sổ này không được mở chi tiết cho từng công trình). Khi công trình hoàn thành, kế toán tiến hành tập hợp tất cả những chi phí ghi nhận từ công trình để tính giá thành cho công trình đó.

- Cuối tháng mọi chứng từ liên quan đến quá trình thi công xây lắp được kế toán công trình tập hợp đầy đủ và chuyển về phòng kế toán của công ty.

1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán, cách xác định giá vật liệu xuất kho, chứng từ sử dụng.

↳ Nội dung và nguyên tắc hạch toán:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các chi phí về nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp hoặc sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong sản xuất xây lắp gồm nguyên liệu chính và vật liệu phụ dùng trực tiếp để sản xuất sản phẩm xây lắp.

↳ Cách xác định giá vật liệu xuất kho: Công ty xác định giá vật liệu xuất kho theo giá thực tế khi xuất sử dụng. Giá thực tế của nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm xuất kho (giá bình quân liên hoàn)

↳ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua nguyên vật liệu của nhà cung cấp
 - Phiếu chi
 - Phiếu nhập kho
-

- Phiếu xuất kho

b. Tài khoản sử dụng và sổ sách kế toán.

▲ Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 621 để theo dõi chi tiết khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết TK 621 cho từng công trình mà theo dõi chung theo từng tháng.

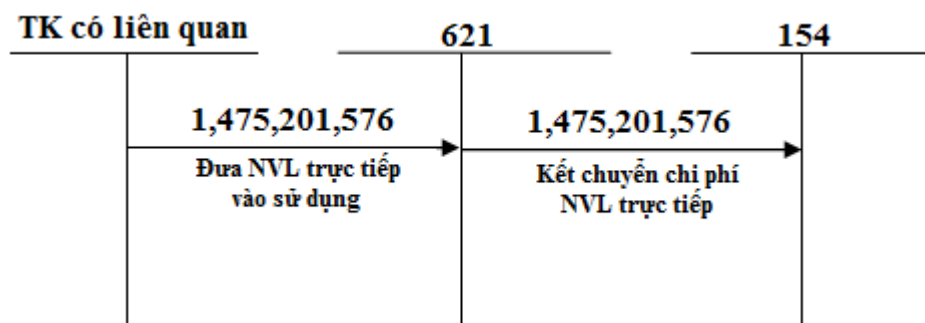
▲ Sổ sách kế toán: Cuối tháng, căn cứ vào các chứng từ gốc mà bộ phận kế toán nhận được, kế toán sẽ tiến hành nhập số liệu vào nhật ký chung, sổ cái, và sổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (sổ chi tiết TK 621)

c. Sơ đồ kế toán tổng hợp.

Cuối kỳ:

Tháng 12/2011, công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1, kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như sau:

Sơ đồ tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình thi công theo hợp đồng số 19 khi hoàn thành nghiệm thu đợt 1:



- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào tài khoản 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" công trình thi công theo hợp đồng số 19 khi công trình hoàn thành nghiệm thu đợt 1:

Nợ TK 154: 1,475,201,576

Có TK 621: 1,475,201,576

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào tài khoản 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" công trình thi công theo hợp đồng số 19 khi công trình hoàn thành bàn giao:

Nợ TK 154: 819,801,417

Có TK 621: 819,801,417

d. Trích minh họa các nghiệp vụ kế toán tiêu biểu

* Ngày 01/12, thanh toán tiền mua que hàn, sau đó nhập kho nguyên vật liệu. Căn cứ vào phiếu chi số 240, phiếu nhập kho số 240 và hóa đơn GTGT số 0013088, kế toán ghi:

Nợ TK 152: 5,031,600

Nợ TK 1331: 503,160

Có TK 111: 5,534,760

* Ngày 15/12, xuất kho nguyên vật liệu (xi măng, gạch, đá, cát) cho công trình. Căn cứ vào phiếu xuất kho số 01/12, kế toán ghi:

Nợ TK 621: 110,300,000

Có TK 152: 110,300,000

* Ngày 21/12, xuất quỹ tiền mặt tại công ty thanh toán chi phí mua nguyên vật liệu (thép tấm) xuất thẳng ra công trình thi công, dựa vào các hóa đơn GTGT số 0000292 ngày 20/12/2011 và hóa đơn GTGT số 0000293 ngày 21/12/2011 và phiếu chi số 251

Nợ TK 621: 36,236,200

Nợ TK 1331: 3,623,620

Có TK 111: 39,859,820

* Ngày 05/01/2012 Mua sắt phi <=10 thi công hợp đồng số 19/2011 (Cty Cao Duy), xuất thẳng ra công trình, chưa trả tiền người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 621: 85,500,000

Nợ TK 1331: 8,550,000

Có TK 331: 94,050,000

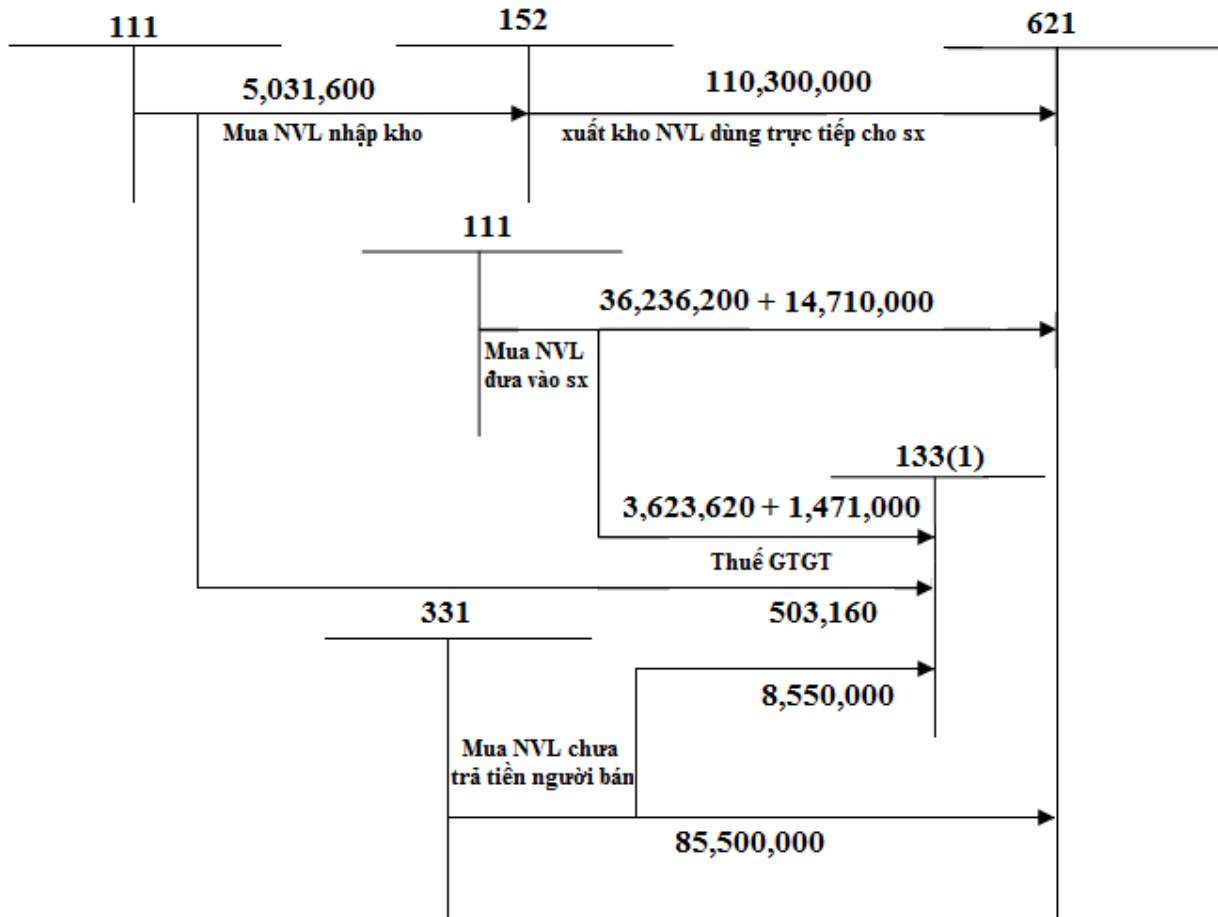
* Ngày 20/02/2012, xuất quỹ tiền mặt thanh toán tiền mua ống thép, sơn thi công hợp đồng số 19/2012, xuất thẳng ra công trình thi công, dựa vào các hóa đơn và phiếu chi số 31

Nợ TK 621: 14,710,000

Nợ TK 1331: 1,471,000

Có TK 111: 16,181,000

Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ kế toán minh họa:



Các nghiệp vụ được kế toán ghi trên sổ cái TK 621 như sau:

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh****Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: TP.HCM.

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm: 2011****Tên tài khoản: Chi phí NVL trực tiếp****Số hiệu: 621****Đơn vị tính: đ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
15/12	PC240	15/12	xuất kho nguyên vật liệu cho công trình	1	12	152	110,300,000	
21/12	PC251	21/12	thanh toán chi phí mua nguyên vật liệu (thép tấm)	1	14	111	36,236,200	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				146,536,200	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh****Mẫu số S03b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ: TP.HCM.

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm: 2012****Tên tài khoản: Chi phí NVL trực tiếp****Số hiệu: 621****Đơn vị tính: đ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
05/01		05/01	Mua sắt phi <=10 thi công	1	1	331	85,500,000	
21/12	PC31	21/12	Thanh toán tiền mua ống thép, sơn thi công	1	12	111	14,710,000	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				100,210,000	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc

2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán, cách xác định tiền lương nhân công trực tiếp xây lắp, chứng từ sử dụng.

↳ Nội dung và nguyên tắc hạch toán:

- Chi phí nhân công trực tiếp là các chi phí cho lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp và các hoạt động sản xuất công nghiệp cung cấp dịch vụ lao vụ trong doanh nghiệp xây lắp, chi phí lao động trực tiếp thuộc hoạt động sản xuất bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp và lao động thuê ngoài.

- Công ty sử dụng lao động thuê ngoài nên không phát sinh thêm các khoản trích theo lương.

- Hàng tháng, công ty tiến hành trả lương cho nhân công trực tiếp thi công vào cuối tháng. Vào cuối tháng, đội trưởng phụ trách thi công từng công trình chuyển về công ty bảng chấm công nhân công trực tiếp thi công ngoài công trình, kế toán dựa vào đó làm căn cứ để làm bảng tính lương cho nhân công trực tiếp thi công. Thủ quỹ công ty tạm ứng tiền cho các đội trưởng phụ trách từng công trình để chi lương cho nhân công trực tiếp, sau đó vào cuối ngày, đội trưởng về công ty để nộp lại bảng lương đã ký xác nhận của nhân công ngoài công trình đồng thời thanh toán tiền tạm ứng với công ty. Chính vì lý do đó, nên kế toán của công ty sau khi tạm ứng tiền cho đội trưởng phụ trách thi công công trình thì không treo vào tài khoản 141 mà để cuối ngày, sau khi đội trưởng đến thanh toán tiền tạm ứng thì ghi thẳng vào tài khoản 622 ” Chi phí nhân công trực tiếp”

↳ Cách xác định tiền lương nhân công trực tiếp xây lắp:

Công ty tính tiền lương nhân công trực tiếp trả theo thời gian:

Tiền lương 1 công nhân = lương một ngày x Số ngày công lao động thực tế
--

↳ Chứng từ sử dụng.

- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng chấm công
- Phiếu chi

b. Tài khoản sử dụng và sổ sách kế toán

↳ Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 621 để theo dõi chi tiết khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết TK 621 cho từng công trình mà theo dõi chung.

↳ Sổ sách kế toán:

- Cuối tháng, căn cứ vào bảng tính lương hàng tháng công nhân trực tiếp thi công, kế toán tại công ty sẽ tiến hành hạch toán và lên sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho từng công trình, sau đó kế toán tập hợp và ghi nhận số tổng cộng vào sổ chi phí nhân công trực tiếp chung cho các công trình.

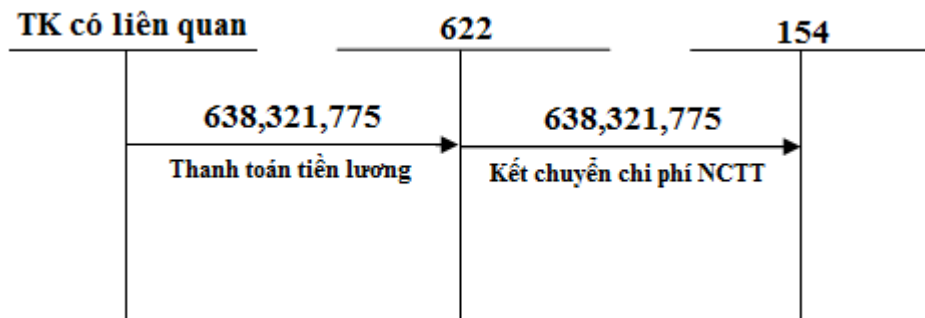
- Đồng thời, cuối tháng căn cứ vào bảng chấm công của ban quản lý thi công, công ty tiến hành lập bảng lương và thanh toán lương.

c. Sơ đồ kế toán tổng hợp

Cuối kỳ:

Tháng 12/2006, công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1, kế toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp thi công công trình như sau:

Sơ đồ tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp công trình thi công kho vật tư theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1:



- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” công trình thi công nhà theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1:

Nợ TK 154: 638,321,775

Có TK 622: 638,321,775

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” công trình thi công nhà theo hợp đồng số 19 hoàn thành và bàn giao là cơ sở để tính giá thành công trình:

Nợ TK 154: 201,292,000

Có TK 622: 201,292,000

d. Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tiêu biểu

* Ngày 30/11/2011, tính lương nhân công giám sát T11/11, kế toán ghi:

Nợ TK 622: 35,737,000

Có TK 334: 35,737,000

* Ngày 30/11/2011, dựa vào bảng chấm công và bảng thanh toán tiền lương, thủ quỹ công ty tiến hành thanh toán tiền lương từ ngày 01/11 đến 30/11, căn cứ theo phiếu chi số 236, kế toán ghi:

Nợ TK 622: 87,737,000

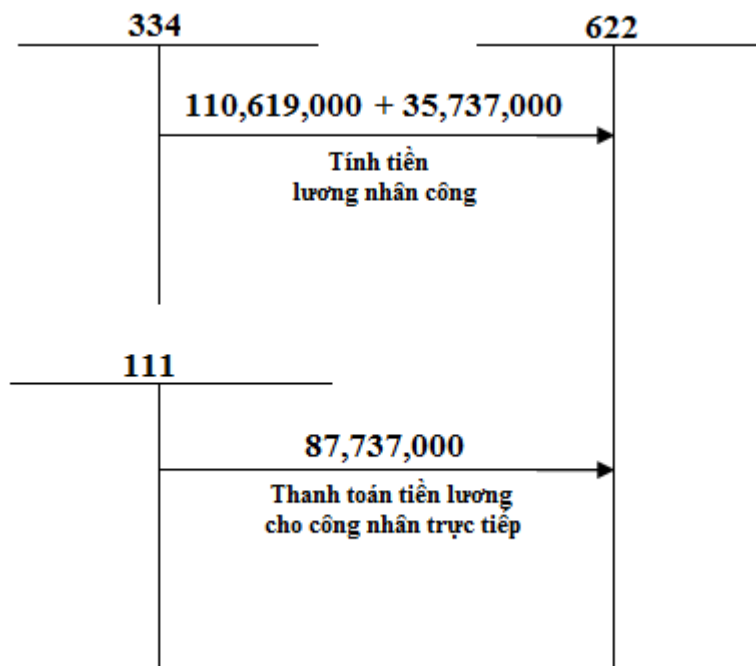
Có TK 111: 87,737,000

* Ngày 31/01/2012 tính lương công nhân tháng 01/2012 (HĐ số 19/2011), kế toán ghi:

Nợ TK 622: 110,619,000

Có TK 334: 110,619,000

Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ kế toán minh họa:



**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Địa chỉ: TP.HCM.

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
30/11		30/11	tính lương nhân công giám sát T11/11	1	5	334	35,737,000	
30/11	PC236	30/11	tiến hành thanh toán tiền lương từ ngày 01/11 đến 30/11	1	7	111	87,737,000	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				123,474,000	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Ng^hđi ghi số

Kế toán tr^ong

Ngày..... tháng.... năm
Giám đốc

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Địa chỉ: TP.HCM.

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
31/01		31/01	tính lương nhân công T01/12	1	10	334	110,619,000	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				110,619,000	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc

3. Chi phí sử dụng máy thi công

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán, cách xác định một số nội dung chi phí sử dụng máy thi công, chứng từ sử dụng.

↗ Nội dung và nguyên tắc hạch toán: Công ty không tổ chức các đội máy thi công riêng biệt và thực hiện phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy thì các chi phí liên quan đến hoạt động của đội máy thi công được tính vào khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Sau đó tính phân bổ chi phí sử dụng máy thi công thực tế cho từng công trình, hạng mục công trình.

↗ Cách xác định một số nội dung chi phí sử dụng máy thi công: Công ty vừa thực hiện thuê máy thi công cỡ lớn vừa mua các loại máy thi công cỡ nhỏ

- Đối với các máy thi công cỡ lớn công ty theo dõi tiền tạm ứng chi phí máy thi công và thanh toán tiền tạm ứng khi có bảng quyết toán tạm ứng về giá trị khối lượng xây lắp bàn giao được duyệt.
- Đối với các loại máy thi công cỡ nhỏ sẽ tiến hành phân bổ định kỳ bằng TK 142

↗ Chứng từ sử dụng:

- Bảng quyết toán tạm ứng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi

b. Tài khoản sử dụng và sổ sách kế toán

↗ Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 623 để theo dõi chi tiết khoản mục chi phí sử dụng máy thi công. Kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết TK 623 cho từng công trình mà theo dõi chung theo từng tháng.

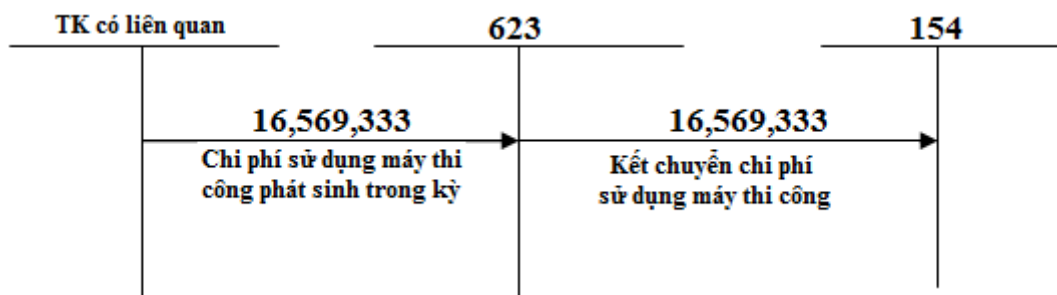
↗ Sổ sách kế toán: Dựa vào chứng từ kế toán: như phiếu thu, hóa đơn GTGT... kế toán sẽ hạch toán vào sổ chi tiết TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”, sổ cái TK 623

c. Sơ đồ kế toán tổng hợp

Cuối kỳ:

Tháng 12/2011 công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1, kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công như sau:

Sơ đồ tổng hợp chi phí sử dụng máy thi công cho công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1:



Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào tài khoản 154”Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt1:

Nợ TK 154: 16,569,333

Có TK 623: 16,569,333

Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào tài khoản 154”Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành bàn giao:

Nợ TK 154: 106,619,697

Có TK 623: 106,619,697

d. Minh họa và nghiệp vụ kế toán tiêu biểu

* Ngày 29/12/2011, định kỳ phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn, kế toán ghi:

Nợ TK 623: 1,391,667

Có TK 142: 1,391,667

* Ngày 30/12/2011, xuất quỹ tiền mặt thanh toán tiền mua máy thi công (máy mài, máy khoan...), theo hóa đơn GTGT số 0001336 và phiếu chi số 263, kế toán ghi:

Nợ TK 623: 13,786,000

Nợ TK 1331: 1,378,600

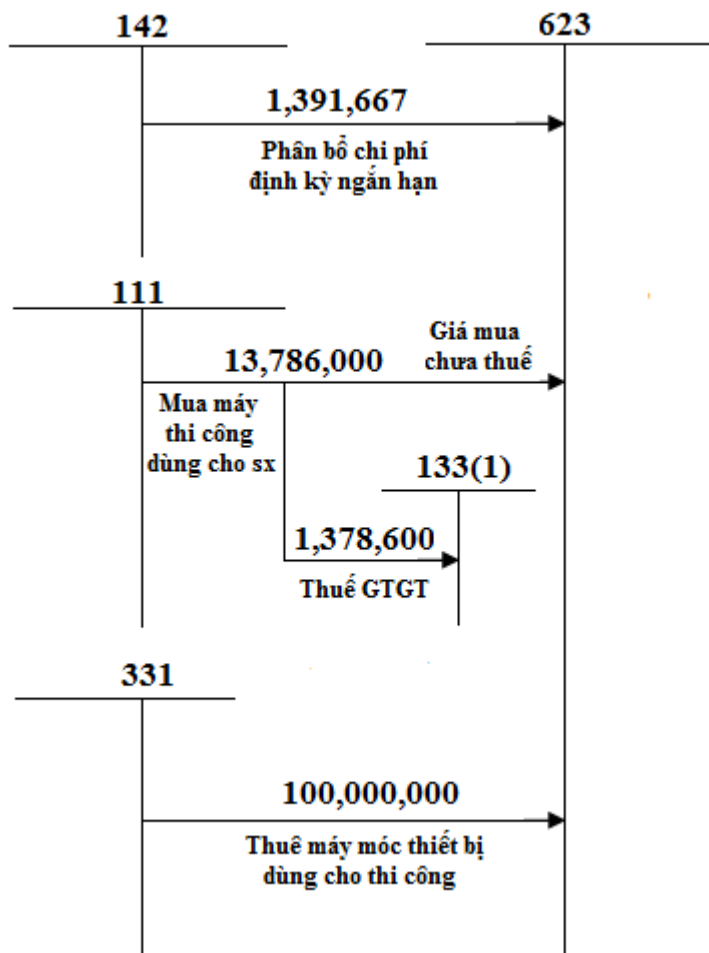
Có TK 111: 15,164,600

* Ngày 05/01/2012, thuê máy móc thiết bị dùng cho thi công, chưa trả tiền cho người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 623: 100,000,000

Có TK 331: 110,000,000

Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ kế toán minh họa:



**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: TP.HCM.

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
29/12		29/12	định kỳ phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	1	17	142	1,391,667	
30/12	PC263	30/12	xuất quỹ tiền mặt thanh toán tiền mua máy thi công (máy mài, máy khoan...)	1	19	111	13,786,000	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				15,177,667	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm
Giám đốc

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Địa chỉ: TP.HCM.

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: sử dụng máy thi công

Số hiệu: 623

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
05/01		05/01	thuê máy móc thiết bị dùng cho thi công	1	4	331	100,000,000	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				100,000,000	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc

4. Kế toán chi phí sản xuất chung

a. Nội dung và nguyên tắc hạch toán, cách xác định một số nội dung chi phí sản xuất chung, chứng từ sử dụng.

↗ Nội dung và nguyên tắc hạch toán: chi phí sản xuất chung ở công ty là những chi phí phục vụ cho ngành xây lắp, những chi phí có tính chất dùng chung cho hoạt động xây lắp: chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận quản lý phân xưởng, mua vật dụng có tính chất dùng trong xây lắp...

↗ Cách xác định một số nội dung chi phí sản xuất chung: Khấu hao TSCĐ ở bộ phận quản lý đội thi công theo phương pháp đường thẳng

↗ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT của người bán

b. Tài khoản sử dụng và sổ sách kế toán

↗ Tài khoản sử dụng: Kế toán sử dụng tài khoản 627 để theo dõi chi tiết khoản mục chi phí sản xuất chung. Kế toán tại công ty mở sổ chi tiết TK 627 cho từng công trình

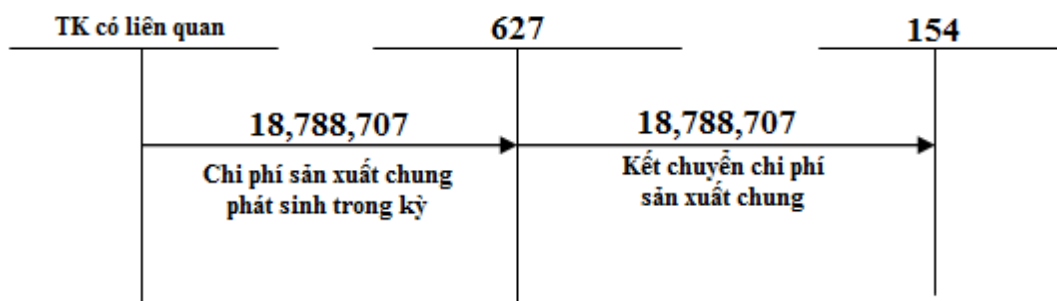
↗ Sổ sách kế toán: Dựa vào chứng từ kế toán: phiếu nhập, xuất... hóa đơn GTGT, kế toán sẽ hạch toán vào sổ chi tiết TK 627 “chi phí sản xuất chung”.

c. Sơ đồ kế toán tổng hợp

Cuối kỳ:

Tháng 12/2011, công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1, kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất chung như sau:

Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất chung công trình thi công theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1:



- Kế toán kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” của công trình thi công nhà kho vật tư theo hợp đồng số 19 hoàn thành nghiệm thu đợt 1:

Nợ TK 154: 18,788,707

Có TK 627: 18,788,707

- Kế toán kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” của công trình thi công nhà kho vật tư theo hợp đồng số 19 hoàn thành bàn giao là cơ sở để tính giá thành công trình.

Nợ TK 154: 6,340,436

Có TK 627: 6,340,436

d. Minh họa và nghiệp vụ kế toán tiêu biểu

* Ngày 10/11/2011, xuất tiền mặt thanh toán tiền làm băng rôn treo ở công trường, theo hóa đơn GTGT số 0047270 ngày 09/11 và phiếu chi số 208, kế toán ghi:

Nợ TK 627: 350,000

Có TK 111: 350,000

* Ngày 30/11/2011, phát sinh cước vận chuyển sắt (Cao Duy), chưa trả tiền người bán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 627: 17,181,822

Có TK 331: 17,181,822

* Ngày 21/01/2012 thanh toán chi phí kiểm tra đo hệ thống tiếp địa cho hợp đồng số 19, theo phiếu chi số 42 và hóa đơn GTGT số, kế toán ghi:

Nợ TK 627: 1,500,000

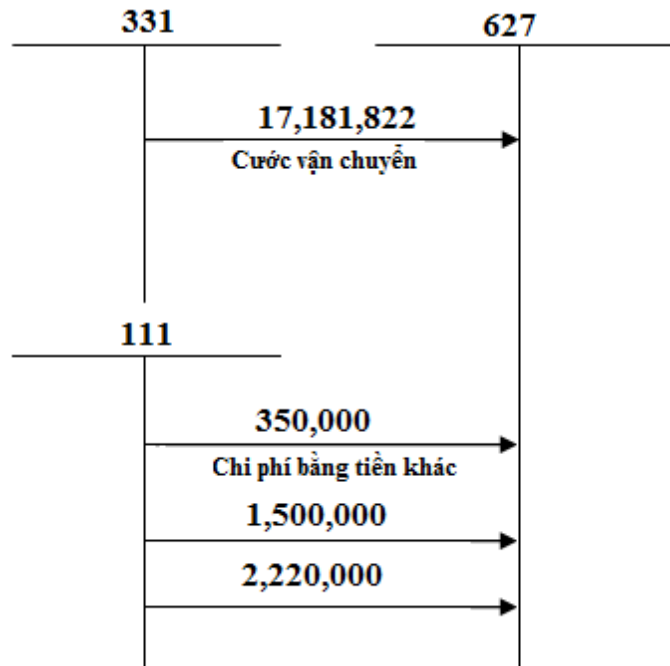
Có TK 111: 1,500,000

* Ngày 28/01/2012 thanh toán chi phí thí nghiệm vật liệu cho hợp đồng số 19, theo phiếu chi số 49 và hóa đơn GTGT số, kế toán ghi:

Nợ TK 627: 2,220,000

Có TK 111: 2,220,000

Sơ đồ kế toán các nghiệp vụ kế toán minh họa:



**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Địa chỉ: TP.HCM.

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí SXC

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
10/11	PC208	10/11	xuất tiền mặt thanh toán tiền làm bằng rôn treo ở công trường	1	1	111	350,000	
30/11		30/11	phát sinh cước vận chuyển sắt	1	3	331	17,181,822	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				17,531,822	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ:...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm
Giám đốc

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Địa chỉ: TP.HCM.

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí SXC

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu năm:					
21/01	PC24	21/01	thanh toán chi phí kiểm tra đo hệ thống tiếp địa	1	6	111	1,500,000	
28/01	PC49	28/01	thanh toán chi phí thí nghiệm vật liệu	1	8	111	17,181,822	
			Cộng số phát sinh cuối tháng				18,681,822	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Ngõ ghi số

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm
Giám đốc

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: TP.HCM.

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2011

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
10/11	PC208	10/11	xuất tiền mặt thanh toán tiền làm băng rôn treo ở công trường	x	1	627	350,000	
				x	2	111		350,000
30/11		30/11	phát sinh cước vận chuyển sắt	x	3	627	17,181,822	
				x	4	331		17,181,822
30/11		30/11	tính lương nhân công giám sát T11/11	x	5	622	35,737,000	
				x	6	334		35,737,000
30/11	PC236	30/11	tiến hành thanh toán tiền lương từ ngày 01/11 đến 30/11	x	7	622	87,737,000	
					8	111		87,737,000
01/12	PC240	01/12	Thanh toán tiền mua que hàn	x	9	152	5,031,600	
				x	10	1331	503,160	
				x	11	111		5,534,760
15/12	PX01	15/12	Xuất kho nguyên vật liệu cho công trình	x	12	621	110,300,000	
				x	13	152		110,300,000
21/12	PC251	21/12	Xuất quỹ tiền mặt tại công ty	x	14	621	36,236,200	
				x	15	1331	3,623,620	

			thanh toán chi phí mua NVL	x	16	111		39,859,820
29/12		29/12	định kỳ phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	x	17	623	1,391,667	
				x	18	142		1,391,667
30/12	PC263	30/12	xuất quỹ tiền mặt thanh toán	x	19	623	13,786,000	
			tiền mua máy thi công (máy mài, máy khoan...)	x	20	1331	1,378,600	
				x	21	111		15,164,600
...
			Số kết chuyển trang sau:					

- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Ngõ ghi số

Kế toán trưởng

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc

**Đơn vị: Công ty cổ phần Hà
Trường Khánh**

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: TP.HCM.

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
05/01		05/01	Mua sắt phi <=10 thi công	x	1	621	85,500,000	
				x	2	1331	8,550,000	
				x	3	331		94,050,000
05/01		05/01	thuê máy móc thiết bị dùng cho thi công	x	4	627	100,000,000	
					5	331		100,000,000
21/01	PC24	21/01	thanh toán chi phí kiểm tra đo hệ thống tiếp địa	x	6	627	1,500,000	
				x	7	111		1,500,000
28/01	PC49	28/01	thanh toán chi phí thí nghiệm vật liệu	x	8	627	17,181,822	
				x	9	111		17,181,822
31/01		31/01	tính lương nhân công T01/12	x	10	622	110,619,000	
					11	334		110,619,000
20/02	PC31	20/02	Thanh toán tiền mua ống thép, sơn thi công	x	12	621	14,710,000	
				x	13	1331	1,471,000	
				x	14	111		16,181,000
...
			Số kết chuyển trang sau:					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Ng^h ghi số

Kế toán tr^lng

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc

IV/ Tổng hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

1. Tổng hợp chi phí sản xuất

★ Toàn bộ các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được kế toán tổng hợp vào mỗi kỳ kế toán.

★ Cuối tháng, Căn cứ vào số dư bên Nợ của các TK 621, TK 622, TK 623, TK 627, kế toán tiến hành kết chuyển số dư vào bên Có Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” để tính giá thành cho công trình.

• Cụ thể, với hợp đồng thi công số 19, khi hoàn thành nghiệm thu đợt 1, kế toán tiến hành kết chuyển tổng chi phí sản xuất kinh doanh đợt 1, kế toán ghi:

Nợ TK 154: 2,148,881,391

Có TK 621: 1,475,201,576

Có TK 622: 638,321,775

Có TK 623: 16,569,333

Có TK 627: 18,788,707

• Khi bàn giao thanh lý HĐ, kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất KD đợt cuối, kế toán ghi:

Nợ TK 154: 1,132,099,781

Có TK 621: 819,801,417

Có TK 622: 201,292,000

Có TK 623: 106,619,697

Có TK 627: 4.386,667

2. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

- Trong trường hợp công trình có giá trị nhỏ và hoàn thành trong thời gian ngắn (cùng 1 kỳ kế toán) thì không nghiệm thu từng giai đoạn mà chi phí dở dang cuối kỳ cũng chính là chi phí xây lắp đã phát sinh

- Với trường hợp của công trình theo hợp đồng số 19 này, công ty đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp chi phí thực tế phát sinh, cuối kỳ nếu công

trình này chưa hoàn thành thì công ty tiến hành đánh giá chi phí sản phẩm dở dang của công trình.

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	=	Tổng chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh
---	---	---

- Công trình theo hợp đồng số 19 là công trình có thời gian thi công khá dài do vậy sẽ được nghiệm thu theo từng giai đoạn trong hạng mục công trình. Khi đó sản phẩm dở dang được xác định:

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ	=	Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ	+	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	-	Giá trị nghiệm thu đợt 1
---	---	--	---	--	---	---------------------------------

* Cụ thể, Tính đến ngày 30/12/2011, kế toán tại công ty ghi nhận số liệu của HĐ số 19 như sau:

- Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ = 0
- Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ = 2,148,881,391, trong đó:
 - CP NVL trực tiếp (621): 1.475.201576
 - CP Nhân công trực tiếp (622) : 638,321,775
 - CP máy thi công (623): 16,569,333
 - CP SXC (627) : 18,788,707

Ngày 30/12/2011, Xuất HĐGTGT cho Chủ đầu tư (Theo BB nghiệm thu đợt 1):

Nợ TK 131: 2,485,570,000

Có TK 511: 2,259,609,091

Có TK 3331: 225,960,909

Đồng thời ghi nhận giá vốn (đợt 1):

Nợ TK 632: 1,860,000,000

Có TK 154: 1,860,000,000

- **Vậy chi phí dở dang cuối kỳ = 0 + 2,148,881,391 – 1,860,000,000 = 288,881,391**

Sơ đồ thể hiện đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ của hợp đồng 19 khi hoàn thành nghiệm thu đợt 1:

621		154	
		DDĐK = 0	
		PSTK =	
1,475,201,576			
Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp đợt 1			
622			
638,321,775			
Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp đợt 1		2,148,881,391	
623		Tập hợp chi phí	632
16,569,333			1,860,000,000
Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công đợt 1			Gía trị nghiệm thu đợt 1
627			
18,788,707			
Kết chuyển chi phí SXC đợt 1			
DDCK = 288,881,391			

✓ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ này sẽ được chuyển sang số dư CPSXKDDD đầu kỳ sau để phân bổ tiếp trong kỳ kế toán tiếp theo.

* Cụ thể, ngày 28/02/2012, kế toán tại công ty ghi nhận quyết toán công trình thi công theo hợp đồng số 19 như sau:

Chi phí dở dang đầu kỳ = **288,881,391**

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ = 1,132,099,781

- Chi phí NVL trực tiếp = 819,801,417
- Chi phí nhân công trực tiếp = 201,292,000
- Chi phí sử dụng máy thi công = 106,619,697
- Chi phí SXC = 4,386,667

Ngày 28/02/2012, Xuất hóa đơn GTGT cho chủ đầu tư (Quyết toán công trình theo hợp đồng số 19)

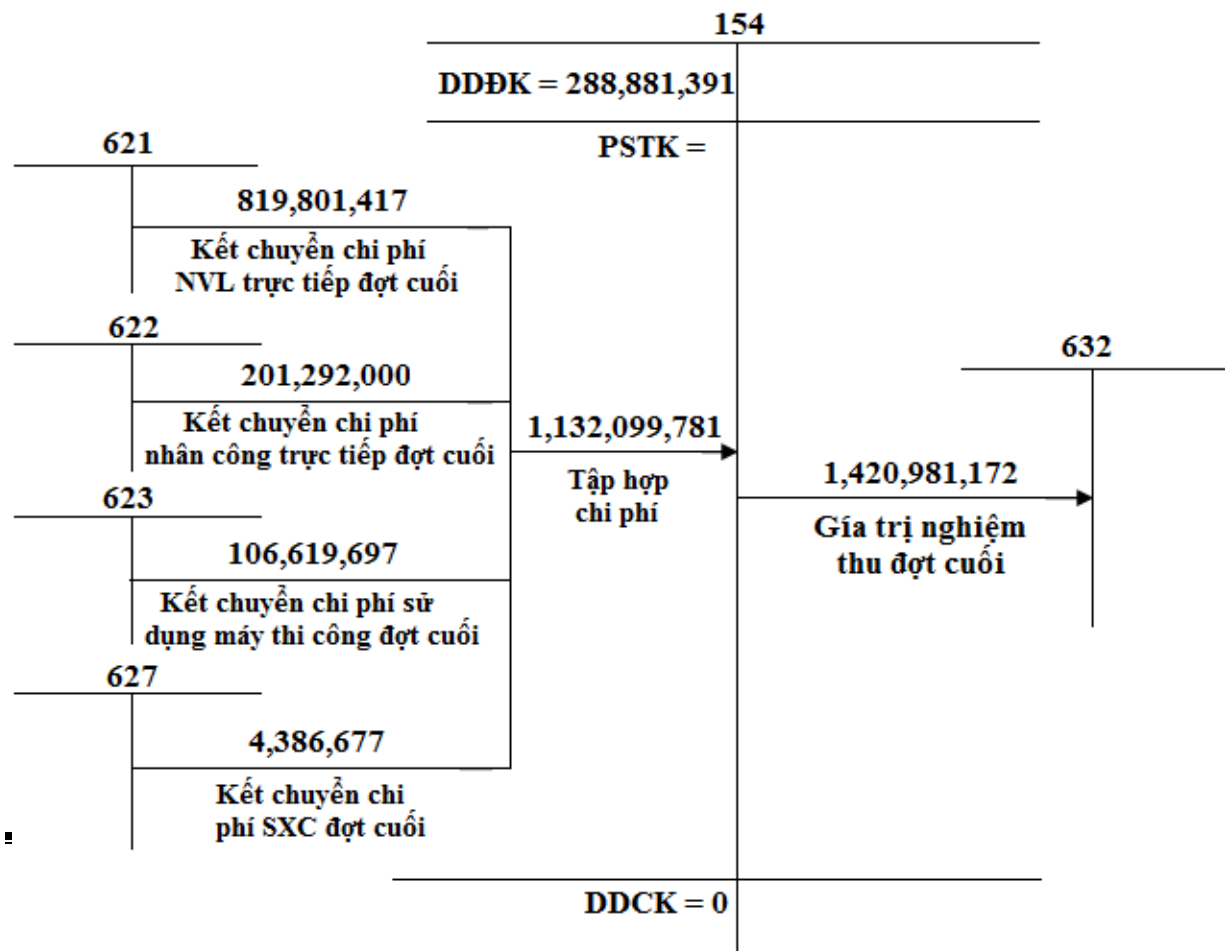
Nợ TK 131: 1,586,077,000
Có TK 511: 1,441,888,182
Có TK 3331: 144,188,818

Đồng thời ghi nhận giá vốn đợt cuối:

Nợ TK 632: 1,420,981,172
Có TK 154: 1,420,981,172

Vậy chi phí dở dang cuối kỳ = 288,881,391 + 1,132,099,781 - 1,420,981,172 = 0

Sơ đồ thể hiện đánh giá sản phẩm dở dang của công trình theo hợp đồng số 19 khi hoàn thành nghiệm thu đợt cuối:



V/ Tính giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành

Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp là phương pháp giản đơn (trực tiếp)

Tổng giá thành sản phẩm (Z)	=	Giá trị SPDD đầu kỳ	+	Chi phí SX trong kỳ	-	Giá trị SPDD cuối kỳ	-	Khoản giảm giá thành
--	----------	--------------------------------	----------	--------------------------------	----------	---------------------------------	----------	---------------------------------

Khi công trình hoàn thành, căn cứ vào các khoản chi phí thực tế phát sinh, kế toán tập hợp các khoản CP đó và kết chuyển vào tài khoản tính giá thành công trình (Trong TH công trình được nghiệm thu và thanh lý trong cùng 1 kỳ kế toán) hoặc cuối kỳ sẽ kết chuyển các khoản CP trực tiếp đó vào TK 154 – CPSXKDDD, và sẽ kết chuyển vào TK 632 - Giá thành SP khi phát sinh doanh thu.

Cụ thể, ngày 30/12/2011, sau khi kết chuyển CPSXKDDD, kế toán xuất HĐGTGT theo BB nghiệm thu đợt 1 đồng thời ghi nhận giá vốn (đợt 1) như sau:

Nợ TK 632: 1,860,000,000

Có TK 154: 1,860,000,000

Ngày 28/02/2012, sau khi tập hợp chi phí, kế toán xuất hóa đơn GTGT theo bảng quyết toán thi công, đồng thời ghi nhận giá vốn đợt cuối như sau:

Nợ TK 632: 1,420,981,172

Có TK 154: 1,420,981,172

Giá thành của công trình thi công theo hợp đồng số 19 là tổng giá trị của 2 đợt thi công:

Nợ TK 632: 3,280,981,172

Có TK 154: 3,280,981,172

Sơ đồ tổng hợp tính giá thành công trình thi công theo hợp đồng số 19:

621	154	632
1,475,201,576		
Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp đợt 1		
819,801,417		
Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp đợt cuối		
622		1,860,000,000
		Kết chuyển tính giá thành đợt 1
638,321,775		
Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp đợt 1		
201,292,000		
Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp đợt cuối		
623		1,420,981,172
		Kết chuyển tính giá thành đợt cuối
16,569,333		
Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công đợt 1		
106,619,697		
Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công đợt cuối		
627		
18,788,707		
Kết chuyển chi phí SXC đợt 1		
4,386,677		
Kết chuyển chi phí SXC đợt cuối		

CHƯƠNG III:

NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẬP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ TRƯỜNG KHÁNH

I/ Nhận xét

Qua quá trình thực tập tại công ty cổ phần Hà Trường Khánh là một sinh viên lần đầu được làm quen với thực tế với sự tìm hiểu và mặc dù còn nhiều hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm tuy nhiên em xin mạnh dạn đưa ra một số đánh giá về ưu điểm cũng như tồn tại cần tiếp tục hoàn thiện trong công tác kế toán nói chung và kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng.

1. Nhận xét chung về công tác kế toán tại đơn vị

a. Về phương pháp tổ chức bộ máy quản lý của đơn vị

- Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ nhưng rất có hiệu quả. Cán bộ trong công ty đều có trình độ chuyên môn và được bố trí đúng người đúng việc nên đã phát huy được hiệu quả lao động
- Các phòng ban trong công ty được bố trí hợp lý và có sự gắn kết chặt chẽ với nhau nhờ vậy mà việc chỉ đạo và thực hiện được thống nhất từ trên xuống dưới

b. Phương pháp tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị

★ Ưu điểm

- Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung, phù hợp với tình hình sản xuất của công ty và trình độ chuyên môn của kế toán viên.
 - Trong thời gian qua, bộ máy kế toán với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm luôn hoàn thành kế hoạch cấp trên giao, đảm bảo được hiệu quả sản xuất kinh doanh qua từng thời kỳ.
 - Hiện nay, công ty sử dụng phần mềm đặt mua theo yêu cầu của công ty nên công tác kế toán đã được giảm nhẹ khối lượng công việc đáng kể, giảm tối thiểu những sai sót mà việc ghi chép sổ sách bằng tay vốn có những hạn chế nhất định, đảm bảo việc hạch toán kịp thời, rõ ràng và chính xác. Mọi việc xử lý số liệu, thông tin, những thay đổi theo chính sách... được cập nhật nhanh chóng, giúp cho việc quản lý và theo dõi tình hình hoạt động của công ty tiện lợi hơn nhiều.
 - Ngoài ra kế toán của công ty còn thực hiện việc lập các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản, cần thiết bằng excel để có thể dễ dàng kiểm tra phát hiện ra lỗi sai mà phần mềm khó phát hiện ra và sửa chữa các lỗi sai đó một cách kịp thời.
 - Nhân viên kế toán tại công ty hầu hết là những nhân viên có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề, thành thạo và am hiểu công việc.
-

★ Một số điểm còn tồn tại

Mọi chứng từ phát sinh tại công trường do kế toán công trình tập hợp và chuyển về bộ phận văn phòng công ty vào cuối mỗi tháng. Vì vậy, công việc của bộ phận kế toán tại văn phòng rất bận rộn vào những ngày cuối tháng nên dễ có sai sót xảy ra trong quá trình đối chiếu với bộ phận công trường.

c. Về hình thức sổ kế toán áp dụng tại công ty

- Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là hình thức Nhật ký chung, phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp là số liệu nhiều, tập trung về công ty thường là định kỳ và phụ thuộc vào thời gian hoàn thành công trình xây lắp.
- Công ty đã xây dựng hệ thống sổ sách về cơ bản là theo đúng hướng dẫn của chế độ kế toán

2. Nhận xét về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị

a. Về xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Công ty đã xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là một hạng mục công trình, một bộ phận của hạng mục công trình là hoàn toàn hợp lý, có tác dụng phục vụ tốt cho việc tăng cường quản lý sản xuất và chi phí sản xuất, có công tác hạch toán kinh tế nội bộ và hạch toán kinh tế toàn doanh nghiệp, phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được hợp lý, kịp thời và chính xác.

b. Về phương pháp kế toán, hệ thống tài khoản đơn vị.

Công ty hiện tại chọn hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

c. Về hệ thống sổ sách kế toán tại đơn vị.

- Hệ thống sổ sách kế toán của công ty đúng mẫu, ghi chép hợp lý, phù hợp với đặc điểm của công ty xây dựng. Sổ sách được lưu trữ cẩn thận, theo từng file, có ghi chú rõ ràng.
- Công ty có tổ chức hệ thống sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết đầy đủ, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, phục vụ đắc lực cho việc lập báo cáo tài chính hàng năm, phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát tài sản, nguồn vốn của công ty.

d. Về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị.

- Công ty hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo đúng chế độ, sử dụng chứng từ, sổ sách theo đúng mẫu của Bộ Tài chính, tuân thủ quy định của Nhà nước cũng như thực hiện việc khai nộp thuế đầy đủ.

- Trong điều kiện rất khó khăn về vốn để tiến hành thi công các công trình, trong trường hợp hợp đồng thi công lớn, thời gian kéo dài thì công ty luôn thỏa thuận với khách hàng để hai bên thực hiện nghiệm thu từng giai đoạn trong quá trình thi công, trên cơ sở đó, Công ty luôn được khách hàng thanh toán qua từng giai đoạn. Chính vì điều này đã giúp công ty lấy thu bù chi cũng như giảm vốn vay tại ngân hàng từ đó tiết kiệm được chi phí lãi vay.

✓ Về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

- Công ty tuân thủ đúng các nguyên tắc hạch toán và sử dụng đúng các chứng từ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

- Căn cứ vào các chứng từ gốc từ bộ phận công trường gửi về, kế toán công ty tiến hành nhập vào máy và in ra phiếu thu, phiếu chi. Vì vậy, tránh được trường hợp máy bị hư hỏng thì dữ liệu không bị mất.

- Công ty sử dụng tài khoản 621 để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

✓ Về kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

- Tất cả sổ chi phí sản xuất kinh doanh và các sổ tổng hợp liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp, công ty đều mở sổ rõ ràng và chính xác.

- Công ty sử dụng tài khoản 622 để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp là chính xác theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Công ty không có đội ngũ nhân công trực tiếp thực hiện công trình mà chỉ có đội ngũ nhân công gián tiếp. Công nhân trực tiếp thi công chủ yếu là nhân công thuê ngoài.

- Tuy nhiên, công ty hạch toán lương của bộ phận ban quản lý, giám sát công trình vào TK 622 chứ không hạch toán vào TK 627, điều này gây khó khăn trong việc phân biệt lương của ban quản lý và đội nhân công trực tiếp.

- Chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán thẳng cho công trình mà không phân bổ, lực lượng lao động chủ yếu là thuê ngoài tạo điều kiện thuận lợi giúp công ty hạ thấp chi phí đáng kể về:

- o Chi phí di chuyển công nhân từ công trình này sang công trình khác.
- o Giảm được chi phí tiền lương công nhân trong thời gian không có công trình.
- o Giảm được chi phí do không phát sinh các khoản trích theo lương (do lao động thuê ngoài)

- Tuy nhiên, thuê lao động thời vụ thì gặp những khó khăn sau:

+ Không biết tay nghề của họ, dễ phát sinh chi phí làm lại hoặc mất thời gian.

+ Không có đội ngũ công nhân lành nghề, tay nghề cao. Không chủ động được trong quá trình điều động nhân công khi có công trình thi công nhiều.

✓ **Về kế toán chi phí sử dụng máy thi công:**

- Tất cả sổ chi phí sản xuất kinh doanh và các sổ tổng hợp liên quan đến chi phí sử dụng máy thi công, công ty đều mở sổ rõ ràng và chính xác.

- Công ty sử dụng tài khoản 623 để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp là chính xác theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Công ty vừa thực hiện thuê máy thi công cỡ lớn vừa mua các loại máy thi công cỡ nhỏ nên

+ Các máy thi công lớn các công tác sửa chữa bảo trì các loại máy này công ty không phụ trách điều này làm giảm nhẹ công tác quản lý. Việc phân bổ chi phí của các loại máy này cũng dễ dàng hơn vì chỉ dựa vào bảng quyết toán tạm ứng của bên cho thuê máy thi công.

+ Các máy thi công nhỏ thì khá khó khăn để quản lý vì khó tránh được việc hư hỏng hoặc mất mát không đáng và việc phân bổ chi phí của các loại máy thi công nhỏ này sẽ khó chính xác.

✓ **Về kế toán chi phí sản xuất chung:**

Toàn bộ công cụ, dụng cụ xuất thi công trong công trình đều do công ty mua và xuất cho công nhân tại công trường sử dụng. Đồng thời do đặc điểm của các công ty ngành xây lắp thường thuê lao động ngoài, vì vậy thường xảy ra tình trạng mất mát, công cụ dụng cụ sử dụng trong thời gian ngắn bị hư... Chính vì những yếu tố nhỏ đó cũng làm tăng chi phí lên đáng kể.

✓ **Về tính giá thành sản phẩm xây lắp:**

- Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp trực tiếp có tác dụng dễ tính toán và nhanh chóng.

- Khi công trình hoàn thành công ty không lập phiếu tính giá thành sản phẩm xây lắp, vì vậy không thể quan sát được cụ thể chi phí theo từng khoản mục.

II/ Kiến nghị

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty cổ phần Hà Trường Khánh, được tiếp xúc với thực tiễn và thực hành các công việc kế toán tại công ty, em xin đề ra một vài kiến nghị nhằm góp một phần nhỏ để công ty hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

1. Kiến nghị chung về công tác kế toán tại đơn vị

✓ Về phương pháp tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị.

Hàng tuần, công ty nên tổ chức giao nhận chứng từ giữa kế toán công trình và kế toán công ty để tránh tình trạng chứng từ không kiểm soát được vào cuối tháng và kế toán công ty có thời gian phản ánh kịp thời và chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán.

2. Kiến nghị về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại đơn vị.

✓ Về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

- Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK 621 chi tiết cho từng công trình để dễ theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của từng công trình, có như thế mới có thể kiểm soát và quản lý được nguyên vật liệu của từng công trình cụ thể, để tìm được nguyên nhân khi xảy ra sự mất mát. Điều này là rất quan trọng trong khâu tính giá thành công trình.

- Nguyên vật liệu mua về sử dụng cho công trình kế toán nên hạch toán bút toán nhập kho để quản lý nguyên vật liệu một cách chính xác, tránh tình trạng bị mất mát không rõ nguyên nhân (nếu chưa sử dụng đến).

- Khoản mục chi phí nguyên vật liệu là một khoản mục chi phí quan trọng trong quá trình tính giá thành sản phẩm hoàn thành, nó thường chiếm khoảng 60% trên tổng chi phí phát sinh cho mỗi công trình, chính vì lý do đó mà công ty cần phải theo dõi sát sao sự biến động của nó. Hơn nữa, khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn chịu ảnh hưởng rất nhiều từ yếu tố giá thị trường nên công ty cần xem xét thận trọng trước khi đưa ra hạn mức cho công trình vì chính yếu tố giá sẽ làm cho giá thành công trình tăng lên mà điều này thì ảnh hưởng không tốt đối với tình hình kinh doanh của công ty. Ngoài ra, công ty còn có thể tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bằng cách:

+ Tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên vật liệu gần nơi công trình thi công để giảm bớt chi phí vận chuyển.

+ Thiệt hại trong sản xuất là một vấn đề không thể tránh khỏi, Công ty nên trích dự phòng các khoản hao hụt vật tư trong định mức và quy định rõ định mức hao hụt.

+ Để hạn chế việc bị mất mát nguyên vật liệu, công ty nên phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng bộ phận, từng tổ đội quản lý, dùng biện pháp mạnh như: trừ lương người lao động nếu cố ý làm mất mát hoặc bị mất mát không rõ nguyên nhân. Chính cách quản lý chặt chẽ sẽ giúp công ty tránh được tình trạng lãng phí, mất mát

nguyên vật liệu phục vụ thi công. Từ đó sẽ làm giảm đáng kể và có cơ sở để giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

✓ Về kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

- Một yếu tố khác mà công ty cần nên quan tâm đó là đội ngũ nhân công thi công công trình. Đây chính là nền tảng tạo nên chất lượng công trình đồng thời tạo ra uy tín của công ty. Để đạt được đến mục tiêu giảm chi phí để giảm giá thành sản phẩm, rút ngắn thời gian thi công nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng công trình, đòi hỏi công ty phải có một đội ngũ nhân công thợ lành nghề. Đội ngũ nhân công trực tiếp thi công công trình của công ty đa số là thuê ngoài, điều này sẽ gây bất lợi cho công ty khi nhân công thuê ngoài thường không đủ tay nghề chuyên môn để phục vụ nhu cầu của công trình. Vì vậy, công ty cần phải có một số thợ chính có tay nghề chuyên môn cao chủ yếu để phục vụ công trình để không phải tốn kém thời gian và chi phí khi phải tìm kiếm thợ có tay nghề cao mỗi khi có công trình lớn.

- Công ty nên chuyển việc tính lương của ban quản lý công trình qua chi phí sản xuất chung(TK 627), chứ không nên để ở chi phí nhân công trực tiếp(TK 622)

✓ Về kế toán sử dụng máy thi công:

Để hạn chế việc bị mất mát và hư hỏng không đáng các loại máy thi công cỡ nhỏ, công ty nên:

- Có một quản lý riêng để quản lý các máy thi công cỡ nhỏ này: hằng ngày trước bàn giao cho công nhân sử dụng thông qua đội trưởng của đội thi công thì quản lý này nên kiểm tra lại các loại máy thi công này xem có hư hỏng gì không, và cuối ngày nên kiểm kê lại đầy đủ về số lượng các loại máy này và tiến hành kiểm tra lại tình trạng của các loại máy.
- Nếu có tình trạng cố ý làm mất mát hoặc bị mất mát không rõ nguyên nhân nên dùng biện pháp mạnh như: trừ lương người lao động. Chính cách quản lý chặt chẽ sẽ giúp công ty giảm thiểu được đáng kể sự mất mát và nâng cao được tinh thần trách nhiệm của công nhân đối với việc bảo quản tài sản của công ty. Từ đó sẽ làm giảm đáng kể và có cơ sở để giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp
- Công ty cũng cần phải lập dự phòng cho các khoản chi phí mua máy thi công loại nhỏ phát sinh để đảm bảo chi mua máy thi công không tăng đột biến ảnh hưởng tới việc tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh mỗi quý.

✓ Về chi phí sản xuất chung:

- Công ty cần mở thêm tài khoản chi tiết của tài khoản 627 như TK 6272, TK 6273, TK 6277, TK 6278...(nếu cần) để phản ánh chi tiết chi phí phát sinh một cách chính xác và đáp ứng được nhu cầu quản lý chi phí của công ty.

- Để hạn chế chi phí hư hỏng công cụ dụng cụ, công ty nên sử dụng phương thức giao khoán hoặc bán khoán cho người lao động. Như vậy sẽ khuyến khích người lao động tinh thần trách nhiệm và có ý thức làm việc tốt hơn, năng suất lao động cao hơn.

III/ Kết luận

Trong cơ chế thị trường hiện nay, một doanh nghiệp muốn tồn tại và đứng vững được trên thương trường thì đòi hỏi doanh nghiệp đó phải biết sử dụng đúng đắn hiệu quả các yếu tố đầu vào, đảm bảo chất lượng đầu ra. Tuy nhiên để đạt được điều này, thông tin kinh tế giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Nó gắn liền với công tác hạch toán, đặc biệt là công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Đây là mối quan tâm hàng đầu đối với các nhà quản lý, các chủ đầu tư nhằm tạo ra sự hiệu quả trong quá trình sử dụng vốn, đảm bảo cho quá trình kinh doanh đạt được lợi nhuận cao.

Trong thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Hà Trường Khánh em đã có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn của cô Đào Thị Nguyệt Hằng và các cô chú trong phòng Tài chính – Kế toán của Công ty em đã hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp với đề tài: “ Hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty cổ phần Hà Trường Khánh”. Kết hợp với những kiến thức đã được học ở trường, với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp với nguyện vọng hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song do trình độ cũng như kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, cho nên bài viết mới chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản và do đó không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được những ý kiến đóng góp, chỉ bảo của thầy giáo, ban lãnh đạo cũng như toàn thể các cô chú trong phòng Kế toán Công ty để nhận thức của em về vấn đề này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.S Đào Thị Nguyệt Hằng và các cô chú trong phòng Tài chính – Kế toán của Công ty đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề thực tập tốt nghiệp này !
